

Số: 559/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 17 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 125 thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4876/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 473/TTr-SVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 125 thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra soát bãi bỏ Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết 126 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Đồng thời điều chỉnh, bổ sung thủ tục hành chính mới vào quy trình nội bộ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định sau đây bị bãi bỏ:

1. Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh

vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực triển lãm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 16 thủ tục hành chính mới ban hành, 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 06 thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

11. Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành, 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kèm hồ sơ);
- Phòng KSTT, TTPVHCC (kèm hồ sơ), KGVX;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến
Tre
17-03-2020 17:46:33
07:00

Cao Văn Trọng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực: Di sản văn hóa					
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ- CP; - Thông tư số 07/2004/TT- BVHTT; - Thông tư số 07/2011/TT- BVHTTDL
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
3	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH1; - Nghị định số

			Bến Tre		98/2010/NĐ-CP - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.

7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP

10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP

14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP
----	--	------------------	---	-------	---

II. Lĩnh vực: Điện ảnh

15	<p>Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim tài liệu, khoa học, hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở ĐA thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) 	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4, Điều 5 Thông tư 289/2016-TT-BTC của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐA số 31/2009/QH12 - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL - Thông tư số 289/2016/TT-BTC
----	--	------------------	---	--	---

16	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4, Điều 5 Thông tư 289/2016/TT-BTC 15/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐA số 31/2009/QH12 - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL - Thông tư số 289/2016/TT-BTC
----	---	------------------	---	---	---

III. Lĩnh vực: Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
18	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
19	Thủ tục cấp giấy	07 ngày		Không	- Nghị định

	phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	làm việc			số 113/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP
20	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc hoặc 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
22	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc		Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP

23	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc * Trường hợp cần thành lập hội đồng thẩm định thì thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc.		Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP
24	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP
25	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP
26	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP
27	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP

	chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại				
28	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc		Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP.

IV. Lĩnh vực: Nghệ thuật biểu diễn

29	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 288/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP
30	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc	05 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định

	địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang				<p>số 15/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL</p>
31	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL</p> <p>- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL</p>
32	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL</p>
33	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân	05 ngày làm việc; 07 ngày làm việc trong	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa,	Theo quy định tại Khoản 2 Điều	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP</p>

	khẩu cho các tổ chức thuộc địa phương	trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép	Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	4 Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính	- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP
34	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	04 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL
35	Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL
V. Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở					

36	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc		Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP
37	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày làm việc		Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP
38	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	- Tại thành phố trực thuộc tỉnh: 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: 10.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 212/2016/TT-BTC
39	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.
40	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL

41	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05 ngày làm việc		Không	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
42	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc		Không	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13
43	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL - Thông tư số 165/2016/TT-BTC. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.

44	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL - Thông tư số 165/2016/TT-BTC - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
45	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP

VI. Lĩnh vực: Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành Văn hóa

46	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quá 10 ngày làm việc. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian không quá 15 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL
47	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL
48	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 260/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL - Thông tư số 260/2016/TT-BTC - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL

49	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	45 ngày làm việc	hành chính công tỉnh Bến Tre	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 289/2016/TT-BTC	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL - Thông tư số 289/2016/TT-BTC - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL
50	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 288/2016/TT-BTC 15/11/2016 của Bộ Tài chính	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL
VII. Lĩnh vực: Thư viện					
51	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10; - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP - Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT; - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP

					<p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP</p>
VIII. Lĩnh vực: Gia đình					
52	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	30 ngày làm việc (20 ngày Sở VHTTDL, 10 ngày UBND cấp giấy chứng nhận)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<p>- Luật Phòng, chống BLGD số 02/2007/QH12</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</p>
53	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	15 ngày làm việc (12 ngày Sở VHTTDL, 03 ngày UBND cấp lại giấy chứng nhận)		Không	<p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</p>
54	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm	20 ngày làm việc (13 ngày Sở VHTTDL, 07 ngày		Không	<p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p>

	quyền của UBND cấp tỉnh)	UBND cấp đổi giấy chứng nhận)			- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	30 ngày làm việc (20 ngày Sở VHTTDL, 10 ngày UBND cấp giấy CN)		Không	- Luật Phòng, chống BLGD số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
56	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	15 ngày làm việc (12 ngày Sở VHTTDL, 03 ngày UBND cấp lại giấy chứng nhận)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
57	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	20 ngày làm việc (13 ngày Sở VHTTDL, 07 ngày UBND cấp đổi giấy chứng nhận)		Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL

58	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL
59	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL
60	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
61	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Phòng, chống BLGD số 02/2007/QH12 - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL

					- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
62	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc		Không	- Luật Phòng, chống BLGD số 02/2007/QH12 7 năm 2008; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
63	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Phòng, chống BLGD số 02/2007/QH12 - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL
IX. Lĩnh vực: Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ					

64	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA - Thông tư số 30/2012/TT-BCA; - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL
X. Lĩnh vực: Thể dục thể thao					
65	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
66	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
67	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

68	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05 ngày làm việc	hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
69	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày (03 ngày Sở VHTTDL trình UBND tỉnh; 07 ngày UBND tỉnh Quyết định)		Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14
70	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày (03 ngày Sở VHTTDL trình UBND tỉnh; 07 ngày UBND tỉnh Quyết định)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14
71	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày (03 ngày Sở VHTTDL trình UBND tỉnh; 07 ngày UBND tỉnh Quyết định)	Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 - Thông tư số 16/2014/TT-
72	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	07 ngày làm việc		Không	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí

	thể thao đối với môn Yoga				<p>số 97/2015/QH13</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL</p>
73	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	07 ngày làm việc		Không	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL</p>
74	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL</p>
75	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	07 ngày làm việc		Không	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số</p>

					10/2017/TT-BVHTTDL
76	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	07 ngày làm việc		Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL
77	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	07 ngày làm việc		Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL
78	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL
79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	07 ngày làm việc		Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11

	thể thao đối với môn Bóng bàn				- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL
80	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	07 ngày làm việc		Không	- Luật Thẻ dực, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL
81	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thẻ dực, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL
82	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với	07 ngày làm việc		Không	- Luật Thẻ dực, thể thao số 77/2006/QH11

	môn Thể dục thể thao				- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 08/2018/TT- BVHTTDL
83	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 09/2018/TT- BVHTTDL
84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
85	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Thông tư số 10/2018/TT- BVHTTDL - Thông tư số 11/2018/TT- BVHTTDL

86	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
88	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL
89	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL

90	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	07 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL
91	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP
92	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	07 ngày làm việc		Không	- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL
93	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL

94	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	07 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL
95	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL
96	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	07 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL
97	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL

98	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL
99	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL

XI. Lĩnh vực: Du lịch

100	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	30 ngày làm việc: (Trong đó 20 ngày Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 10 ngày quyết định công nhận điểm du lịch)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL
-----	---	---	---	-------	---

101	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
102	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Trong trường hợp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa bị mất hoặc bị hư hỏng)	05 ngày làm việc		1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL

103	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Trong trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	2.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
104	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL
105	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL
106	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05 ngày làm việc		Không	

107	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc		Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; Thông tư số 11/2016/TT-BCT.
108	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày làm việc		200.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
109	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày làm việc		Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL

110	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	<p>- 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của VP đại diện phù hợp với cam kết của VN trong các điều ước quốc tế mà VN là thành viên.</p> <p>- 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của VP đại diện không phù hợp với cam kết của VN hoặc doanh nghiệp KD dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà VN là thành viên.</p>	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14</p> <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC</p>
-----	--	--	---	---	--

111	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP - Thông tư số 11/2016/TT-BCT - Thông tư số 33/2018/TT-BTC.
112	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP - Thông tư số 11/2016/TT-BCT - Thông tư số 33/2018/TT-BTC
113	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP - Thông tư số 11/2016/TT-BCT - Thông tư số 33/2018/TT-BTC

114	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc		1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP - Thông tư số 11/2016/TT-BCT - Thông tư số 33/2018/TT-BTC
115	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
116	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày làm việc		650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số

					13/2019/TT-BVHTTDL
117	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày làm việc		650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
118	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 33/2018/TT-BTC - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
119	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	45 ngày Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định

		<p>định trình UBND tỉnh;</p> <p>15 ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận.</p>			<p>số 168/2017/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</p>
120	<p>Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch</p>	<p>20 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre</p>	<p>1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC)</p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</p> <p>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC</p> <p>- Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</p>
121	<p>Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch</p>	<p>20 ngày làm việc</p>		<p>1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC)</p>	
122	<p>Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch</p>	<p>20 ngày làm việc</p>		<p>1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC)</p>	

123	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc		1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 34/2018/TT-BTC
124	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC)	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL
125	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	20 ngày làm việc	hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre	1.500.000 đồng/hồ sơ hạng 1 sao, 2 sao; 2.000.000 đồng/hồ sơ hạng 3 sao (TT số 34/2018/TT-BTC)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL - Thông tư số 34/2018/TT-BTC

PHẦN II.
**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẾN TRE**

1. Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Sau khi nhận được đơn của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Thành phần, số lượng hồ sơ:

Đơn xin đăng ký di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:**

+ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký trong thời hạn 15 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

*** Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận

*** Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn xin đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 2 năm 2004).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Di vật, cổ vật phải được giám định tại cơ sở giám định cổ vật trước khi đăng ký.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010.

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2004.

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ
DI VẬT, CỔ VẬT VÀ BẢO VẬT QUỐC GIA

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh...

Họ và tên chủ sở hữu:

Địa chỉ:

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Nơi đang cư trú:

(ghi rõ số nhà, ngõ (xóm, làng, ấp, bản), phố (thôn), phường (xã, thị trấn),
quận (huyện, thị xã), tỉnh (thành phố))

Điện thoại:

Tôi làm đơn này trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh..... xem xét tổ chức đăng ký...(số lượng) di vật (hoặc cổ vật hoặc bảo vật quốc gia) thuộc sở hữu hợp pháp của tôi.

Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định về phí, lệ phí và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ khi tổ chức đăng ký các di vật (cổ vật hoặc bảo vật quốc gia) nêu trên.

Tên tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

**Xác nhận địa chỉ của Ủy ban nhân
dân xã (phường, thị trấn) nơi đăng ký
hộ khẩu thường trú**

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

2. Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài xin nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp phép. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể

*** *Số bộ hồ sơ:*** 01 bộ

*** *Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

*** *Đối tượng thực hiện:*** Cá nhân, tổ chức.

*** *Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

*** *Kết quả thực hiện:*** Quyết định hành chính.

*** *Lệ phí:*** Không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012).

- Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012).

*** *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:*** Không

*** *Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm
Location, date month year

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
APPLICATION FOR**

**Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
A license to research on and collect intangible cultural heritage**

Kính gửi/To: - Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*đối với trường hợp địa bàn nghiên cứu, sưu tầm có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên*)

Minister of Culture, Sports and Tourism of the Socialist Republic of Viet Nam (*in the case that research and collection sites are carried out in more than one province/city under national/governmental authority*)

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố...
Director of Department of Culture, Sports and Tourism of ... Province

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*)/ Name of Applicant
(Organization and/or Individual (*in capital letters*)):

- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*)/ Date of birth (*for individual*):
.....

- Nơi sinh (*đối với cá nhân*)/ Place of birth (*for individual*):

Quốc tịch (*đối với cá nhân*)/ Nationality (*for individual*):

- Hộ chiếu (*đối với cá nhân*): Số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:..... Ngày hết hạn:.....

Passport (*for individual*): No:..... Date of issue:.....

Place of issue:..... Date of expiry:.....

- Địa chỉ (*trụ sở chính đối với tổ chức/nơi thường trú đối với cá nhân*)/

Address (*headquarter of organization/residential address of individual*):
.....

Điện thoại/Tel:

2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*)/ Legal representative (*of organization*):

- Họ và tên (*viết chữ in hoa*)/ Full name (*in capital letters*):

- Chức vụ/Position:

- Quốc tịch/Nationality: Điện thoại/Tel:

3. Loại hình, đối tượng di sản văn hóa phi vật thể đề nghị được nghiên cứu, sưu tầm/ Types, objects of intangible cultural heritage that are applied for research and collection:

4. Địa điểm tiến hành nghiên cứu, sưu tầm/ Research and collection site:
.....

5. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể/ We propose that the Minister of Culture, Sports and Tourism/ the Director of Department of Culture, Sport and Tourism issue a license for the research on and/or collection of the intangible cultural heritage.

6. Cam kết/ We hereby commit: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và sẽ thực hiện nghiên cứu, sưu tầm theo quy định của pháp luật Việt Nam/ To take full responsibility for the accuracy of the content of this application and we will undertake the research and collection in accordance with the Vietnamese laws.

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ORGANIZATION OR INDIVIDUALS APPLYING FOR THE
LICENSE**

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Signed, sealed, and name (in case of organization)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm
Location, date ... month ... year ...

ĐỀ ÁN
PROJECT ON
Nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
Research and collection of intangible cultural heritage

1. Tên gọi Đề án/Project name:
2. Nội dung Đề án/Content of project:
 - Loại hình, đối tượng nghiên cứu, sưu tầm/Types and objects of collection and research.
 - Mục đích nghiên cứu, sưu tầm/Objectives/Aims of the research and collection.
 - Địa điểm nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection site.
 - Phương pháp nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection methods.
 - Kế hoạch, thời gian và kinh phí nghiên cứu, sưu tầm/Plan, timeline and budget for the research and collection.
 - Thông tin về tổ chức/cá nhân nghiên cứu, sưu tầm/Information about organization/individual who undertakes the research and collection.
 - Đối tác Việt Nam tham gia nghiên cứu, sưu tầm (*nếu có*)/Vietnamese partner involved in the research and collection (*if applicable*).
3. Dự kiến kết quả của Đề án/Expected outcomes of the project.
4. Đánh giá tác động của Đề án đối với di sản văn hóa phi vật thể và cộng đồng chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể/An assessment of the impacts of the project on the intangible cultural heritage and owners of the intangible cultural heritage.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LẬP ĐỀ ÁN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL DESIGNING THE
PROJECT

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Signed, sealed, and full name (in case of organization)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

3. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập nộp 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

* ***Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

+ Đề án hoạt động bảo tàng

* ***Số bộ hồ sơ:*** 01 bộ

* ***Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

* ***Đối tượng thực hiện:*** Cá nhân, tổ chức.

* ***Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* ***Kết quả thực hiện:*** Văn bản xác nhận.

* ***Lệ phí:*** Không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

- Đề án hoạt động bảo tàng (Mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

*** *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:***

Điều kiện để thành lập bảo tàng bao gồm:

(1) Có sưu tập theo một hoặc nhiều chủ đề;

(2) Có nơi trưng bày, kho và phương tiện bảo quản;

(3) Có người am hiểu chuyên môn phù hợp với hoạt động bảo tàng.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy y tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
**Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép
hoạt động bảo tàng ngoài công lập**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh,
thành phố.....

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
- Nơi sinh (*đối với cá nhân*): Quốc tịch (*đối với cá nhân*):
- Chứng minh thư nhân dân (*đối với cá nhân người Việt Nam*): Số.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Hộ chiếu (*đối với cá nhân người nước ngoài*): Số.....

Ngày cấp..... Nơi cấp..... Ngày hết hạn.....
- Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):
- Điện thoại:

2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):
- Họ và tên (*viết chữ in hoa*):
- Chức vụ:
- Quốc tịch: Điện thoại:

3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động:
(*ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).

4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố... xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho.... (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).

5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật khi được cấp giấy phép./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Phụ lục VI
(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP
ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN
Hoạt động bảo tàng (tên bảo tàng)

1. Tên gọi, địa chỉ, địa bàn hoạt động:
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của (tên bảo tàng):
3. Nội dung trưng bày chính:
4. Danh sách hiện vật (sưu tập chính):
5. Đối tượng phục vụ:
6. Phương án và kế hoạch hoạt động của (tên bảo tàng):
7. Tổ chức bộ máy, nhân sự:
8. Trụ sở làm việc (địa điểm, diện tích nhà làm việc; diện tích nhà trưng bày, diện tích kho bảo quản, ...) và trang thiết bị, phương tiện phục vụ:
.....
9. Kinh phí:
10. Kiến nghị của tổ chức/cá nhân xây dựng đề án cấp giấy phép hoạt động (tên bảo tàng).....

(Đối với việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập thuộc doanh nghiệp, ngoài các nội dung trên đây, đề án còn có các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và hướng dẫn của các cơ quan có liên quan)

XÁC NHẬN
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
NƠI ĐẶT TRỤ SỞ CỦA BẢO TÀNG

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

4. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép hoạt động bảo tàng. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- + Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
- + Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính.

*** Lệ phí:** Không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
 - Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
 - Nơi sinh (*đối với cá nhân*): Quốc tịch (*đối với cá nhân*):
 - Chứng minh thư nhân dân (*đối với cá nhân người Việt Nam*):
Số..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 - Hộ chiếu (*đối với cá nhân người nước ngoài*): Số.....
Ngày cấp..... Nơi cấp..... Ngày hết hạn.....
 - Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):
 - Điện thoại:
2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):
 - Họ và tên (*viết chữ in hoa*):
 - Chức vụ:
 - Quốc tịch: Điện thoại:
3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động:
(*Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).
4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ... cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho.... (*tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).
5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật khi được cấp giấy phép./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

5. Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Tổ chức xin cấp giấy phép khai quật khảo cổ gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai quật khảo cổ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai quật khảo cổ và báo cáo ngay cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn cấp giấy phép khai quật khảo cổ không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; trường hợp không cấp giấy phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

* **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Văn bản đề nghị

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:** Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khảo cổ của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (Phụ lục 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Trong trường hợp địa điểm khảo cổ đang bị hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại.

(2) Các tổ chức được thăm dò, khai quật khảo cổ:

+ Cơ quan nghiên cứu khảo cổ học của Nhà nước.

+ Trường đại học có bộ môn khảo cổ học.

+ Bảo tàng và Ban Quản lý di tích của Nhà nước có chức năng nghiên cứu khảo cổ.

+ Hội có chức năng nghiên cứu khảo cổ ở trung ương.

(3) Người chủ trì cuộc thăm dò, khai quật khảo cổ phải có các điều kiện sau đây:

+ Có bằng cử nhân chuyên ngành khảo cổ học hoặc bằng cử nhân chuyên ngành khác có liên quan đến khảo cổ học;

+ Có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác khảo cổ;

(4) Trước khi tiến hành khai quật khẩn cấp, tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ phải ghi chép mô tả chi tiết, thu thập tài liệu, lập hồ sơ và chụp ảnh hiện trường.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 01 năm 2009.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
Tên cơ quan, tổ chức

Số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên tỉnh (thành phố), ngày tháng năm 200.....

Kính gửi:

1. Giới thiệu về vị trí địa lý, tọa độ, ý nghĩa, giá trị của địa điểm khảo cổ.
2. Nguyên nhân đe dọa sự tồn tại của địa điểm khảo cổ đang có nguy cơ bị hủy hoại.
3. Ước đoán niên đại của di chỉ, di vật (kèm theo ảnh của di chỉ, di vật và các tài liệu có liên quan).
4. Mục đích khai quật khẩn cấp.
5. Tổ chức chủ trì khai quật khẩn cấp.
6. Người chủ trì khai quật khẩn cấp.
7. Tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).
8. Vị trí địa điểm dự kiến khai quật khẩn cấp.
8. Diện tích khai quật khẩn cấp.
9. Thời gian khai quật khẩn cấp.
10. Đề xuất cơ quan, tổ chức được giao lưu giữ hiện vật thu thập được trong quá trình khai quật khẩn cấp.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm sơ đồ vị trí khai quật khẩn cấp);
-
- Lưu

Thủ trưởng đơn vị

(ghi rõ chức danh)
(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên của người ký

6. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ);

+ Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan;

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

*** Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

*** Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Chứng chỉ hành nghề

*** Lệ phí:** Không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc

học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất; hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật;

(2) Không đang trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến di sản văn hóa theo quyết định của tòa án, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị quản chế hình sự hoặc quản chế hành chính;

(3) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong ngành di sản văn hóa không được phép mở cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2004;

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh,
thành phố.....

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
- Nơi sinh (*đối với cá nhân*):
- Chứng minh thư nhân dân (*đối với cá nhân*): Số.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

- Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):

- Điện thoại:

2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):

- Họ và tên (*viết chữ in hoa*):

- Chức vụ: Điện thoại:

3. (Nêu chi tiết về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm liên quan tới di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ).

4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố ... cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho.... (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).

5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đúng quy định của pháp luật sau khi được cấp chứng chỉ./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

7. Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích gửi văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia);

(2) Hồ sơ hiện vật, gồm:

- Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia);

- Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số;

- Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa);

- Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật;

- Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

*** Số bộ hồ sơ:** 04 bộ.

+ 01 bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân lập hồ sơ;

+ 03 bộ hồ sơ gửi đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

*** Thời hạn giải quyết**

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây:

- Là hiện vật gốc độc bản;

- Là hiện vật có hình thức độc đáo;

- Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH VỀ HIỆN VẬT
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

1. **Tên hiện vật** (tên gọi phổ thông):
2. **Tên khác** (nếu có):
3. **Tên đơn vị và cá nhân lưu giữ hiện vật:**
4. **Số đăng ký:** Do đơn vị, cá nhân đề nghị tự quy định
5. **Chất liệu:** Chất liệu chính
6. **Kích thước (cm):** ghi rõ 03 kích thước cơ bản: Đường kính miệng, Đường kính đáy, chiều cao; Đối với hiện vật thể khối dẹt: chiều dài, chiều rộng, chiều cao.
7. **Trọng lượng (gram):**
8. **Số lượng:** Nếu hiện vật là 1 đơn vị thì ghi 1, nếu là bộ hiện vật thì ghi các thành phần hợp thành của đơn vị hiện vật.
9. **Miêu tả:** Miêu tả ngắn gọn đặc điểm của hiện vật: hình dáng (từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài), màu sắc, đề tài trang trí, kỹ thuật trang trí, dấu tích đặc biệt (có ảnh kèm theo).
10. **Hiện trạng:** Ghi rõ hiện trạng, nguyên, sứt, phai màu, mọt, đã sửa chữa, phong hóa.
11. **Niên đại:** ghi niên đại tuyệt đối, tương đối.
12. **Nguồn gốc, xuất xứ:** địa điểm sưu tầm; hình thức sưu tầm (hiển tặng, mua, khai quật, tặng, cho).
13. **Ghi chú:**
14. **Lý do lựa chọn:** Chứng minh các tiêu chí sau:
 - Hiện vật gốc độc bản;
 - Hiện vật có hình thức độc đáo;
 - Hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu, hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định, hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên./.

....., ngày tháng năm ...

TÊN ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức
thì phải đóng dấu, ghi rõ chức vụ người ký)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN BẢO VẬT
QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

Số:
V/v làm thủ tục đề nghị công
nhận bảo vật quốc gia

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, sau khi nghiên cứu các tiêu chí và quy định đối với hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia,

(Tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia) trân trọng đề nghị (như kính gửi) xem xét trình Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cho ... (số lượng) hiện vật thuộc quyền quản lý, sở hữu của..... (tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia). Danh sách hiện vật cụ thể như sau:

STT	Tên hiện vật	Đặc điểm chính của hiện vật	Ghi chú
1			
2			
...			

(Tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia) cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Tài liệu kèm theo

- Hồ sơ hiện vật;
- Văn bản thẩm định của Hội đồng khoa học của Bảo tàng (nếu có);
-
-

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
BẢO VẬT QUỐC GIA

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

8. Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật gửi văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ***

(1) Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Theo mẫu);

(2) Hồ sơ hiện vật, gồm:

- Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (Theo mẫu);

- Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số;

- Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa);

- Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật;

- Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia

*** Số bộ hồ sơ:** 04 bộ:

+ 01 bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân lập hồ sơ;

+ 03 bộ hồ sơ gửi đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

*** Thời hạn giải quyết**

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây:

- Là hiện vật gốc độc bản;

- Là hiện vật có hình thức độc đáo;

- Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH VỀ HIỆN VẬT
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

1. **Tên hiện vật** (tên gọi phổ thông):
2. **Tên khác** (nếu có):
3. **Tên đơn vị và cá nhân lưu giữ hiện vật:**
4. **Số đăng ký:** Do đơn vị, cá nhân đề nghị tự quy định
5. **Chất liệu:** Chất liệu chính
6. **Kích thước (cm):** ghi rõ 03 kích thước cơ bản: Đường kính miệng, Đường kính đáy, chiều cao; Đối với hiện vật thể khối dẹt: chiều dài, chiều rộng, chiều cao.
7. **Trọng lượng (gram):**
8. **Số lượng:** Nếu hiện vật là 1 đơn vị thì ghi 1, nếu là bộ hiện vật thì ghi các thành phần hợp thành của đơn vị hiện vật.
9. **Miêu tả:** Miêu tả ngắn gọn đặc điểm của hiện vật: hình dáng (từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài), màu sắc, đề tài trang trí, kỹ thuật trang trí, dấu tích đặc biệt (có ảnh kèm theo).
10. **Hiện trạng:** Ghi rõ hiện trạng, nguyên, sứt, phai màu, mọt, đã sửa chữa, phong hóa.
11. **Niên đại:** ghi niên đại tuyệt đối, tương đối.
12. **Nguồn gốc, xuất xứ:** địa điểm sưu tầm; hình thức sưu tầm (hiển tặng, mua, khai quật, tặng, cho).
13. **Ghi chú:**
14. **Lý do lựa chọn:** Chứng minh các tiêu chí sau:
 - Hiện vật gốc độc bản;
 - Hiện vật có hình thức độc đáo;
 - Hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu, hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định, hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên./.

....., ngày tháng năm ...

TÊN ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức thì phải đóng dấu, ghi rõ chức vụ người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH VÀ LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

- Họ và tên (*viết bằng chữ in hoa*):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số chứng minh thư: Ngày cấp Nơi cấp.....
- Chức danh trong tổ chức (nếu có):

là chủ sở hữu hiện vật/người đại diện của(*tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*) đang quản lý hợp pháp hiện vật.

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, sau khi nghiên cứu các tiêu chí và quy định đối với hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia,

(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định và làm thủ tục đề nghị các cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét công nhận bảo vật quốc gia cho ... (*số lượng*) hiện vật thuộc quyền sở hữu hợp pháp của (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*). Danh sách hiện vật cụ thể như sau:

STT	Tên hiện vật	Đặc điểm chính của hiện vật	Ghi chú
1			
2			
...			

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hiện vật và tính chính xác, trung thực của nội dung Hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, và cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Tài liệu kèm theo

- Hồ sơ hiện vật;
-
-

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CÔNG
NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

(Ký tên, nếu là tổ chức thì phải đóng dấu và ghi rõ họ, tên chức vụ người ký)

9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- + Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;
- + Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;
- + Danh sách kèm theo lý lịch khoa học theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia;
- + Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia;
- + Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật.

*** Lệ phí:** Không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

- Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.

2. Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ... ngày cấp.../.../... nơi cấp.....

Căn cứ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên cơ sở giám định cổ vật) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch..../Sở Văn hóa và Thể thao.... xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

3. Hồ sơ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

Mẫu số 02

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng năm

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: Năm sinh:; Giới tính:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số...ngày cấp.../.../...nơi cấp..
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

2. Học hàm, học vị:

- Học hàm (giáo sư, phó giáo sư):
- Học vị (tiên sĩ, thạc sĩ, cử nhân,):

3. Quá trình công tác:

- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....
- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....

4. Kinh nghiệm chuyên môn về giám định cổ vật:

- a) Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định cổ vật:
- b) Một số công trình/dự án đã thực hiện liên quan đến giám định cổ vật:....

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung khai;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

.....ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
chức vụ người ký)

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Khi bị mất, bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp, cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật. đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật. (theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016);

(2) Bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đối với trường hợp giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin;

Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi thông tin.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

*** Lệ phí:** Không

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in

hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung: Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

Số Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Ngày cấp:.....

Lý do cấp lại:

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất);

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

- Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đã được cấp (nêu rõ những thông tin đề nghị thay đổi).

3. Hồ sơ gửi kèm:

-

-

-

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

11. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- (1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích
- (2) Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:
 - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;
 - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;
- (3) Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích.
- (4) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.

*** *Số bộ hồ sơ:*** 01 bộ

*** *Thời hạn giải quyết***

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Đối tượng thực hiện:** Cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:

a) Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao.....

- 1. Họ và tên** (viết bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
 - Nơi sinh:
 - Quốc tịch:
 - Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số.....
ngày cấp...../...../.....nơi cấp.....
 - Địa chỉ thường trú:

2. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo được ghi trong văn bằng, chứng chỉ đã được cấp):

3. Kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (ghi theo bản khai kinh nghiệm chuyên môn đã được tổ chức nơi đã làm việc hoặc đang làm việc xác nhận):.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, tôn giáo tín ngưỡng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 9 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); cam kết hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo đúng nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề được cấp, thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

12. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2.

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

(2) Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

(3) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao chứng chỉ, chứng nhận:

- Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

- + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
- + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

- Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích.

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* **Đối tượng thực hiện:** Cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...../

Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề.

- Số Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ

(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)

13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;
- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:
 - + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.
 - + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.
 - + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.
 - + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.
- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy

chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

2. Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

3. Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

4. Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi

di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp

...../...../..... nơi cấp.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên tổ chức) trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.....xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

3. Cam kết: (tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu)

14. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bỏ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bỏ sung nội dung hành nghề hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

+ Trường hợp bỏ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

* **Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bỏ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1) Bị mất hoặc bị hỏng;

2) Hết hạn sử dụng;

3) Bị mất hoặc bị hỏng.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*(Đối với trường hợp tổ chức yêu
cầu cấp lại Giấy chứng nhận
hành nghề)*

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TỰ BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu đối với tổ chức)

15. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim

- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;

- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;

+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến

* **Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim gửi 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu).

+ Giấy chứng nhận bản quyền phim.

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính.

* **Phí, lệ phí:**

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	

a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

(Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Phiếu đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim (Mẫu số 01 Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 tháng 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2009.

- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2010.

- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2011.

- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.

- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**TÊN CƠ SỞ ĐIỆN
ẢNH ĐỀ NGHỊ THẨM
ĐỊNH PHIM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

Cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:.....
Bộ phim:.....
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):.....
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):.....
Hãng sản xuất hoặc phát hành:.....
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):.....
Biên kịch:.....
Đạo diễn:.....
Quay phim:.....
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):.....
Độ dài (tính bằng phút):.....
Màu sắc (màu hoặc đen trắng):..... Ngôn ngữ:.....
Chủ sở hữu bản quyền:.....
Tóm tắt nội dung:

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

16. Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp Giấy phép phổ biến phim phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- + Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim (theo mẫu);
- + Giấy chứng nhận bản quyền phim.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính

*** Phí, lệ phí:**

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000

a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

(Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (*Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL*)

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2009.

- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009.

- Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.

- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**TÊN CƠ SỞ ĐIỆN ẢNH
ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
PHIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

Cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:.....
Bộ phim:.....
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):.....
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):.....
Hãng sản xuất hoặc phát hành:.....
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):.....
Biên kịch:.....
Đạo diễn:.....
Quay phim:.....
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):.....
Độ dài (tính bằng phút):.....
Màu sắc (màu hoặc đen trắng):..... Ngôn ngữ:.....
Chủ sở hữu bản quyền:.....
Tóm tắt nội dung:

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

17. Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức thi, sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi;

+ Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thoả thuận giữa các bên.

* ***Số bộ hồ sơ:*** 01 bộ

* ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

* ***Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức, cá nhân

* ***Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* ***Kết quả thực hiện:*** Văn bản trả lời

* ***Lệ phí:*** Không

* ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không.

* ***Yên cầu, điều kiện thực hiện TTHC:***

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật tại Việt Nam phải phối hợp với cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

* ***Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

18. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép triển lãm mỹ thuật trong các trường hợp dưới đây:

+ Triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức;

+ Đưa tác phẩm mỹ thuật Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.

Gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:***

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam

Đơn đề nghị cấp phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

(2) Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác;

(3) Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch;

(4) Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ;

(5) Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, ngoài đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số

113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật) và hồ sơ quy định tại thành phần hồ sơ (2) và (3) nêu trên phải kèm theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:**

+ Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam hoặc văn bản trả lời.

+ Giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài. hoặc văn bản trả lời.

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật) đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Địa điểm tổ chức triển lãm phải có diện tích, trang thiết bị đáp ứng với quy mô của triển lãm; đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam:

- Tiêu đề của triển lãm:

- Địa điểm trưng bày:

- Thời gian trưng bày từ đến:.....

- Số lượng tác phẩm:

- Số lượng tác giả:

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam./.

....., ngày.....tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ĐƯA TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:

Tên cá nhân/ tổ chức đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

Tiêu đề triển lãm:.....

Địa điểm trưng bày:.....

Quốc gia:.....

Thời gian trưng bày từ:.....đến.....

Số lượng tác phẩm:.....

Số lượng tác giả:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm và pháp luật của nước sở tại.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài./.

....., ngày.....tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

19. Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) Đơn đề nghị cấp phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
- (2) Ảnh màu kích thước 18x24 cm chụp bản mẫu và bản sao;
- (3) Bản sao chứng thực hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Giấy phép

*** Lệ phí:** Không

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SAO CHÉP TRANH, TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA,
ANH HÙNG DÂN TỘC, LÃNH TỰ**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố....

Tên cá nhân/tổ chức đề nghị

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị được cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ:

Tên tác phẩm (bản mẫu).....

Tên tác giả (bản mẫu):.....

Khuôn khổ bản sao chép:.....

Chất liệu bản sao chép:

Số lượng bản sao chép:

Tên cá nhân/tổ chức sao chép:.....

Địa chỉ cá nhân/tổ chức sao chép:

Mục đích sử dụng:.....

Địa điểm sử dụng:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về sao chép tác phẩm mỹ thuật và các quy định liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ./.

.....ngày.....tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

20. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

* *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Tổ chức, cá nhân xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc hoặc trong thời hạn 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng xin ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

* **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

(2) Quyết định chọn mẫu phác thảo bước hai của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp bốn mặt cỡ ảnh 18x24 cm có kèm chú thích;

(3) Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

* **Số bộ hồ sơ:** 02 bộ

Thời hạn giải quyết: 07 làm việc hoặc 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng hoặc văn bản trả lời.

* **Lệ phí:** Không

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Chủ đầu tư:.....

+ Người đại diện:.....Chức vụ:.....

+ Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Đề nghị cấp giấy phép xây dựng

Công trình:.....

- Đề tài, nội dung:.....

- Khối lượng:.....

- Tượng: (kích thước).....Chất liệu:.....

- Phù điêu: (kích thước).....Chất liệu:.....

- Tranh hoành tráng: (kích thước).....Chất liệu:.....

- Nguồn vốn:.....

- Dự toán kinh phí được thẩm định theo văn bản số:.....

- Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành công trình:.....

- Địa điểm xây dựng:

- Diện tích mặt bằng:

- Hướng chính của tượng đài:.....

- Tác giả:.....

+ Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

- Mẫu phác thảo được Hội đồng Nghệ thuật duyệt chọn theo văn bản số:.....

- Đơn vị thể hiện phần mỹ thuật:

Lời cam kết:

- Xin cam đoan thực hiện đúng giấy phép được cấp, nếu sai phạm xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

- Xin gửi kèm theo: Bản sao công chứng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

21. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức trại sáng tác điêu khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc hoặc trong thời hạn 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng xin ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ,

Bước 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh BT.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc
- (2) Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- (3) Thẻ lệ.

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc hoặc văn bản trả lời.

* **Lệ phí:** Không

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Cơ quan, tổ chức Việt Nam đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có chức năng hoạt động văn hóa nghệ thuật;

- Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điêu khắc.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi, chức năng Quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ
NGHỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC ĐIỀU KHẮC**

Kính gửi:

- Tên cơ quan, tổ chức đề nghị:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Đề nghị được cấp giấy phép tổ chức Trại sáng tác điêu khắc (tên trại sáng tác
điều khắc).....

- Chủ đề:.....

- Số lượng tác giả:

+ Quốc tịch Việt Nam:.....

+ Quốc tịch nước ngoài:.....

- Số lượng tác phẩm:.....

- Chất liệu:..... Kích thước tác phẩm:.....

- Nguồn vốn:

- Thời gian từ: đến.....

- Địa điểm tổ chức trại sáng tác:.....

- Chủ sở hữu tác phẩm:.....

Lời cam kết:

Xin cam đoan thực hiện đúng nội dung giấy phép được cấp; nếu vi phạm xin
chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

22. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm trong các trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản trả lời ghi rõ lý do.

Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh phải làm lại thủ tục xin cấp phép.

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre để nhận kết quả.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (theo mẫu);

b) Danh sách tác phẩm nhiếp ảnh bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng),

c) *Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thích nhỏ nhất 13x18cm.*

d) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm.

đ) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khóa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp ảnh về nội dung chụp và phạm vi công bố tác phẩm

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân;

- * **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- * **Kết quả thực hiện:** Giấy phép;
- * **Lệ phí:** Không;
- * **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (mẫu số 01 ban hành theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).
- * **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**
 - Tác phẩm tham gia triển lãm phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm đã được cấp phép; có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sử hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.
 - Địa điểm tổ chức triển lãm phù hợp tính chất, quy mô triển lãm.
- * **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TRIỂN LÃM
TÁC PHẨM NHIẾP ẢNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép triển lãm (viết chữ in hoa):

-
- Địa chỉ:
 - Điện thoại:.....
 - Giấy Chứng minh thư nhân dân/ Thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam): Số..... ngày cấp..... nơi cấp.....
 - Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài và người nước ngoài): Số.....ngày cấp ... nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam:

- Tên triển lãm:
- Chủ đề, nội dung triển lãm:
- Quy mô triển lãm:
- Thời gian triển lãm: Từ ngày....tháng....năm....đến ngày....tháng....năm....
- Địa điểm triển lãm:

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về bản quyền tác phẩm nhiếp ảnh, quyền cá nhân đối với hình ảnh quy định tại Bộ luật Dân sự, tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam.
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động nhiếp ảnh và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, ghi rõ họ tên có đóng dấu (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

23. Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm trong trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và gửi hồ sơ để Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản trả lời ghi rõ lý do.

- Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp phép

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (theo mẫu);

b) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng);

c) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thích nhỏ nhất 13x18 cm hoặc ghi vào đĩa CD.

d) Thư mời, thông báo, *sách ảnh (nếu có)*, văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt.

đ) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp ảnh về nội dung chụp và phạm vi công bố tác phẩm.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (mẫu số 03 ban hành theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tác phẩm tham gia triển lãm có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải thực hiện đúng trách nhiệm quy định của pháp luật.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐƯA TÁC PHẨM NHIEP ẢNH
TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI TRIỂN LÃM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (viết chữ in hoa):

-
- Địa chỉ:
 - Điện thoại:.....
 - Giấy Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam): Số..... ngày cấp nơi cấp.....
 - Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài và người nước ngoài): Số..... ngày cấp ... nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Tên triển lãm:
- Chủ đề, nội dung triển lãm:
- Quy mô triển lãm:
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức nước ngoài tổ chức triển lãm:
.....
- Địa điểm tổ chức triển lãm:.....Quốc gia:.....
- Thời gian triển lãm: Từ ngày...tháng...năm.....đến ngày...tháng...năm....

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về bản quyền tác phẩm nhiếp ảnh, quyền cá nhân đối với hình ảnh quy định tại Bộ luật Dân sự, tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm.
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động nhiếp ảnh và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

Ký, ghi rõ họ tên có đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

24. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tại địa phương có nhu cầu tổ chức triển lãm đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre Toà nhà Bưu điện tỉnh (tầng 1, tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức, cá nhân mang phiếu hẹn đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (hoặc tại Trung tâm phục vụ hành chính công khi Trung tâm đi vào hoạt động) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

*** Cách thức thực hiện:** Nộp tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

+ Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm;

+ Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ;

* **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân;

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép;

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

a) Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

b) Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

c) Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

đ) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

2. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

3. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

4. Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm ⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm ⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: ... (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

⁽¹⁾ Tên cơ quan cấp phép

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân là đại diện trong trường hợp triển lãm do nhiều tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện

⁽³⁾ Yêu cầu ghi rõ: “không vì mục đích thương mại”

25. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Cá nhân nước ngoài có nhu cầu tổ chức triển lãm tại địa phương không vì mục đích thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép triển lãm trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre Toà nhà Bưu điện tỉnh (tầng 1, tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân mang phiếu hẹn đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (hoặc tại Trung tâm phục vụ hành chính công khi Trung tâm đi vào hoạt động) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

* ***Cách thức thực hiện:*** Nộp tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** *Thành phần hồ sơ:***

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

+ Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm;

+ Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao

có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến);

+ Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

* **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tổ chức triển lãm.

* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 01)

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

a) Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

b) Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

c) Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

đ) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

2. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

3. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

4. Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm ⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm ⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: ... (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

⁽¹⁾ Tên cơ quan cấp phép

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân là đại diện trong trường hợp triển lãm do nhiều tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện

⁽³⁾ Yêu cầu ghi rõ: “không vì mục đích thương mại”

26. Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tại địa phương có nhu cầu cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm đưa ra nước ngoài gửi Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre Toà nhà Bưu điện tỉnh (tầng 1, tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức, cá nhân mang phiếu hẹn đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (hoặc tại Trung tâm phục vụ hành chính công khi Trung tâm đi vào hoạt động) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

* **Cách thức thực hiện:** Nộp tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy phép đã được cấp;

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tổ chức triển lãm.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 01)

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

a) Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

b) Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

c) Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

đ) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

2. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

3. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

4. Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm ⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm ⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: ... (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

⁽¹⁾ Tên cơ quan cấp phép

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân là đại diện trong trường hợp triển lãm do nhiều tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện

⁽³⁾ Yêu cầu ghi rõ: “không vì mục đích thương mại”.

27. Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cá nhân nước ngoài có nhu cầu cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm tại địa phương không vì mục đích thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép triển lãm trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre, địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy phép đã được cấp;

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

* **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tổ chức triển lãm.

* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

a) Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

b) Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

c) Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

đ) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

2. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

3. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

4. Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm ⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm ⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: ... (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

⁽¹⁾ Tên cơ quan cấp phép

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân là đại diện trong trường hợp triển lãm do nhiều tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện

⁽³⁾ Yêu cầu ghi rõ: “không vì mục đích thương mại”

28. Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân ở địa phương tổ chức triển lãm tại địa phương gửi thông báo tổ chức triển lãm trực tiếp hoặc qua bưu điện Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre Toà nhà Bưu điện tỉnh (tầng 1, tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.

- **Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre Toà nhà Bưu điện tỉnh (tầng 1, tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo tổ chức triển lãm (mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nếu không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức triển lãm theo nội dung đã thông báo; Nếu không đồng ý với nội dung thông báo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:
 - a) Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;
 - b) Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;
 - c) Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;
 - d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;
 - đ) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.
2. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.
3. Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.
4. Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm ...
THÔNG BÁO TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên tổ chức/cá nhân tổ chức triển lãm ⁽²⁾(viết chữ in hoa):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân):
số..... ngày cấp..... nơi cấp
2. Nội dung triển lãm
- Tên triển lãm:
-
- Mục đích của triển lãm ⁽³⁾:
- Quy mô triển lãm:
-
- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... nămđến ngày ... tháng ... năm
- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):
- Phương án đảm bảo trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ:(có văn bản kèm theo)
- Số lượng tác phẩm, hiện vật, tài liệu triển lãm: ... (có Danh sách kèm theo) ⁽⁴⁾
3. Cam kết:
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo;
- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI THÔNG BÁO ⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

- (1) Tên cơ quan tiếp nhận Thông báo.
- (2) Tên tổ chức, cá nhân là đại diện trong trường hợp triển lãm do nhiều tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện
- (3) Yêu cầu ghi rõ: “không vì mục đích thương mại”.
- (4) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu triển lãm gồm: ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và các thông tin chi tiết: tên tác phẩm, hiện vật, tài liệu; chất liệu; kích thước; các chú thích kèm theo; tên tác giả; tên chủ sở hữu.

29. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức dưới đây thuộc địa phương đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa; Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình.

+ Nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ -17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ, lễ hội, chương trình có bán vé thu tiền và các chương trình biểu diễn với mục đích khác, khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu duyệt chương trình, tổ chức đề nghị cấp phép phải tổ chức để Hội đồng nghệ thuật duyệt chương trình trước khi biểu diễn.

Bước 3. Đến hạn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

***Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

+ 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

+ 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu (đối với bản nhạc hoặc kịch bản sử dụng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chứng nhận của công ty dịch thuật);

+ 01 bản sao chứng thực quyết định cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (đối với chương trình có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép

* **Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định:

Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:

Số TT	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.500.000
2	Từ 51 đến 100 phút	2.000.000
3	Từ 101 đến 150 phút	3.000.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.500.000
5	Từ 201 phút trở lên	5.000.000

Trường hợp miễn phí

Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia.

Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Trường hợp đối tượng là doanh nghiệp thì phải có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh/thành phố....

Nhà hát (Đơn vị) đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

1. Tên chương trình:.....
2. Nội dung chương trình:.....
3. Thời lượng chương trình (số phút):.....
4. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.
- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

30. Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức dưới đây thuộc địa phương đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang :

- + Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa; Thể thao;
- + Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;
- + Hội văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;
- + Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

Gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre . Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

***Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre .

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 03);
- (2) 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;
- (3) 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm công diễn lần đầu;
- (4) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

(5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép

* **Lệ phí:** không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Trường hợp đối tượng là doanh nghiệp thì phải có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam
ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh/thành phố....

Nhà hát (Đơn vị) đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc cá nhân):.....
2. Nội dung chương trình:.....
3. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....
4. Thời gian: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày tháng ... năm
5. Địa điểm:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**CÁ NHÂN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

31. Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức dưới đây thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.

- Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa; Thể thao;
- *Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;*
- Hội văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;
- Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;
- Chủ địa điểm, hộ kinh doanh tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

Gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) 01 đơn đề nghị cấp phép vào địa phương biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (theo mẫu);
- (2) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);
- (3) 01 bản sao hộ chiếu;
- (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá

trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Trường hợp đối tượng là doanh nghiệp thì phải có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh/thành phố...

Nhà hát (Đơn vị) đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc thông tin cá nhân: Số hộ chiếu, địa chỉ liên hệ tại Việt Nam hay ở nước ngoài).....
2. Nội dung chương trình:.....
3. Thời lượng chương trình (số phút):.....
4. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....
5. Thời gian: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.
 - Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

32. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

(2) 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ:

- Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (Trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau).

- Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi.

- Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi.

- Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.

- Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.

- Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo.

- *Kinh phí tổ chức cuộc thi.*

- Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL)

- 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

*** Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP).

- Đơn đăng ký tham dự cuộc thi của thí sinh (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hoá, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hoá, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp giấy phép tổ chức cuộc thi Người đẹp, Người mẫu tổ chức trong nước.

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên cuộc thi:.....
3. Nội dung cuộc thi:.....
4. Người chịu trách nhiệm cuộc thi:.....
5. Thời gian: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ CUỘC THI “...”

Kính gửi: ...*(Ban tổ chức cuộc thi “...”)*

1. Họ và tên:.....
2. Quốc tịch:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
4. Nơi sinh:.....
5. Số CMND:....., ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....
6. Hộ khẩu thường trú:
7. Địa chỉ liên lạc:
8. Điện thoại cố định:.....Điện thoại di động:.....
9. Địa chỉ Email:
- Facebook:.....
10. Nghề nghiệp:.....
11. Nơi học tập/ công tác:.....
12. Khi cần, báo tin cho ai? Ở đâu?

.....
.....

13. Tình trạng hôn nhân:
 - a. Độc thân
 - b. Đã kết hôn
 - c. Ly hôn
14. Trình độ học vấn:
 - a. Tốt nghiệp Phổ thông trung học
 - b. Trung cấp
 - c. Cao đẳng
 - d. Đại học
 - đ. Sau đại học

15. Đăng ký nơi tham gia sơ tuyển:

16. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung đăng ký dự thi;
- Đồng ý những điều kiện, quy định của cuộc thi mà tôi tham gia.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- 01 ảnh chân dung;
- 01 ảnh toàn thân;
- 01 ảnh chụp thí sinh mặc trang phục bikini;
- 01 bản sao Bằng tốt nghiệp THPT; Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc văn bản xác nhận của trường Đại học/Cao đẳng/Trung cấp đang theo học;
- 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Chính quyền địa phương hoặc đơn vị đang học tập, công tác;
- 01 bản sao Giấy Khai sinh của cơ quan có thẩm quyền;
- 01 bản sao Giấy CMND hoặc Hộ chiếu của cơ quan có thẩm quyền.

..., ngày... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

33. Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Tổ chức thuộc cơ quan địa phương muốn lưu hành hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bằng cách trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và cấp giấy phép phê duyệt nội dung. Trường hợp cần thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (Mẫu số 06);
- (2) 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn;
- (3) 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);
- (4) 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu;
- (5) 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thoả thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;
- (6) 01 bản sao có chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sĩ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn);
- (7) 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình;
- (8) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá

trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

* **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* **Thời hạn giải quyết**

+ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép.

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức;

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép;

* **Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

- Đối với bản ghi âm:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

- Đối với bản ghi hình:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

- **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân lưu hành hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu phải là tổ chức

có chức năng sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các sản phẩm ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm,
ghi hình ca múa nhạc, sân khấu**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/

Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố....

Đơn vịđược thành lập ngày.....thángnăm ... theo giấy phép số ... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố ...) cấp, có chức năng sản xuất, lưu hành và nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Thực hiện kế hoạch của đơn vị, chúng tôi đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định và phê duyệt nội dung chương trình dưới đây:

1. Tên chương trình:.....
2. Thời lượng chương trình (số phút):.....
3. Người chịu trách nhiệm chương trình:.....
4. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: Văn thư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

34. Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trong thời hạn ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày tổ chức. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ.

Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tiếp nhận thông báo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có quyền không đồng ý việc tổ chức trong trường hợp quốc tang, thiên tai, dịch bệnh, an ninh, chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, đời sống, sinh hoạt, an toàn xã hội tại địa phương.

Bước 3. Đến hẹn tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre .

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân (Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản gốc để đối chiếu giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (nếu có) hoặc giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (đối với các hoạt động quy định tại Điều 9 và Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP);

(3) Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, các Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP).

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức;

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

* **Kết quả thực hiện:** Văn bản Thông báo;

* **Lệ phí:** Không;

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Mẫu 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Trường hợp đối tượng là doanh nghiệp thì phải có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

- Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hoá, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hoá, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....V/v tổ chức chương
trình, cuộc thi...

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)...

1. ...(Tổ chức thông báo) ; Mã số thuế:
 - Địa chỉ:.....;
 - Người đại diện theo pháp luật (*viết chữ in hoa*): Giấy CMND số: ... cấp ngày/...../..... nơi cấp...;
 - Số điện thoại tổ chức/cá nhân:
 2. Chúng tôi trân trọng thông báo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)... việc tổ chức chương trình, cuộc thi “...”
 - Thời gian tổ chức:
 - Địa điểm:
 - Người chịu trách nhiệm:
 3. Chúng tôi cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL và Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.
- * Gửi kèm theo thông báo này:*
- Bản sao có chứng thực hoặc bản gốc để đối chiếu giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (nếu có) hoặc giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (đối với các hoạt động quy định tại Điều 9 và Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP);
 - Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, các Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP). Trân trọng thông báo để Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)... biết và thực hiện công tác quản lý./.
- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu: Văn thư.
- ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

35. Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Đối tượng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế; người đẹp, người mẫu toàn quốc; người đẹp, người mẫu phạm vi vùng, ngành, đoàn thể Trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhiệm vụ trình và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu. Trường hợp không cấp nhãn kiểm soát phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1) Đơn đề nghị Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu

(2) Đề án tổ chức cuộc thi;

(3) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*** Số bộ hồ sơ:** 01 bộ;

*** Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức;

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

*** Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.

*** Lệ phí:** Không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hoá, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hoá, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016;

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY
PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết
cuộc thi người đẹp, người mẫu**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn
hóa và Thể thao

..... (Cơ quan, tổ chức) đề nghị Ủy ban nhân dân ... xem xét chấp thuận về địa
điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.

1. Tên cuộc thi: "...” (gửi kèm theo Đề án)
2. Người chịu trách nhiệm:.....
3. Thời gian tổ chức: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....
4. Địa điểm:.....
5. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10
năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi
người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân
khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-
BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du
lich và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị
cấp giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

36. Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện**

+ Đơn vị tổ chức lễ hội gửi hồ sơ đăng ký đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre (trực tiếp hoặc qua bưu điện) trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày. Gửi đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn.

+ Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp tỉnh được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ (02 năm trở lên).
+ Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp tỉnh) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định nội dung sau:
+ Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;

+ Các chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội;

+ Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

+ Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành, trung ương hoặc các đơn vị ở địa phương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội.

+ Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời

+ Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường:

+ Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội:
+ Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

* **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện:** Đơn vị tổ chức lễ hội.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:**

+ Văn bản chấp thuận.

+ Văn bản trả lời nêu rõ lý do nếu không đồng ý.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

37. Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện**

+ Đơn vị tổ chức lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp tỉnh được tổ chức hàng năm gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời văn bản và nêu rõ lý do.

+ Sau khi nhận được văn bản không đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị tổ chức lễ hội phải tiến hành chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nội dung của hoạt động lễ hội.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ**

+ Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội;
+ Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội;
+ Dự kiến thành phần, số lượng khách mời;
+ Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội;
+ Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

* **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.

* **Đối tượng thực hiện:** Đơn vị tổ chức lễ hội.

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:**

+ Nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.

+ Nếu không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

38. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre: Tòa nhà Bưu điện tỉnh (tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+Hồ sơ hợp lệ chuyên viên nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và cấp Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh mang phiếu hẹn đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

*** Phí, lệ phí:**

- Tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy;

- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.

*** Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

(2) Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

(3) Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80m² trở lên, không kể công trình phụ;

(4) Không được đặt chốt cửa bên trong phòng vũ trường hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ);

(5) Địa điểm kinh doanh phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa từ 200m trở lên.

* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường phải phải tuân theo các quy định sau đây:

(1) Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.

(2) Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.

(3) Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

(4) Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

(5) Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

(6) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

* Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ vũ trường phải phải tuân theo các quy định sau đây:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ vũ trường có trách nhiệm:

(1) Không được hoạt động từ 02 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

(2) Không cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi.

(3) Trường hợp có chương trình biểu diễn nghệ thuật phải thực hiện theo quy định của pháp luật về biểu diễn nghệ thuật.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Mẫu số 01

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: (2)

Tên Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ
kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ dịch
vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

.....

Điện thoại: Fax:

TT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Tài liệu kèm theo:

.....

(3)

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn xác thực và
thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6
năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ
vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ
trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

39. Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường trong các trường hợp dưới đây:

+ Thay đổi về số lượng phòng;

+ Thay đổi về chủ sở hữu.

gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre: Tòa nhà Bưu điện tỉnh (tầng 2), địa chỉ số 03, Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+Hồ sơ hợp lệ chuyên viên nhận và viết phiếu hẹn.

Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và cấp Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ- CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh mang phiếu hẹn đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ- CP ngày 19 tháng 6 năm 2019);

(2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép điều chỉnh.

*** Phí, lệ phí:** Không quy định.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019)

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: (2)

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký
hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường số
do cấp ngày ... tháng ... năm

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
(điều chỉnh lần thứ) số do cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

... (1) ... đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều
kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có)

Thông tin điều chỉnh

.....

(3)

.....
... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực
hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm
2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ
vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều
kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

40. Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”

*** Trình tự thực hiện:**

1. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận lại, gửi Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận.

2. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận lại và cấp Giấy công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Căn cứ hồ sơ đề nghị và Biên bản kiểm tra của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Báo cáo thành tích 05 năm xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa của Công đoàn cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

(2) Công văn đề nghị của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan Thi đua-Khen thưởng cấp tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính và Giấy công nhận.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Điều kiện 1: Đạt các tiêu chuẩn dưới đây và các tiêu chí bổ sung theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (nếu có);

+ Đối với cơ quan, đơn vị:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

a) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch công tác hàng năm; 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến trở lên”;

b) 80% trở lên cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tự học hoặc theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Thực hiện tốt nghĩa vụ và đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật;

d) Nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

đ) Có sáng kiến, cải tiến quản lý; kinh nghiệm được áp dụng vào thực tiễn.

2. Thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa công sở:

a) 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

b) Không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động mắc các tệ nạn xã hội; không sử dụng, tàng trữ, lưu hành văn hóa phẩm độc hại; không tuyên truyền và thực hiện các hành vi mê tín dị đoan;

c) Sinh hoạt cơ quan, đơn vị nề nếp; thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc; quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ;

d) Không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hút thuốc lá nơi công sở; không uống rượu, bia trong giờ làm việc; trang phục gọn gàng, lịch sự; cơ quan xanh, sạch, đẹp, an toàn; bài trí khuôn viên công sở theo thiết kế đã phê duyệt.

3. Gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nắm vững, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

b) Không có người vi phạm pháp luật phải xử lý từ hình thức cảnh cáo trở lên; cơ quan an toàn, an ninh trật tự; không có người khiếu kiện vượt cấp, trái pháp luật;

c) Thực hiện tốt cải cách hành chính; 8 giờ làm việc có hiệu quả, quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí được giao; không để xảy ra lãng phí, tham nhũng; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

+ Đối với doanh nghiệp:

1. Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

a) Hoàn thành chỉ tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đề ra hàng năm;

b) Thương hiệu, sản phẩm của doanh nghiệp có uy tín trên thị trường;

c) Có sáng kiến cải tiến quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí gián tiếp; phân công lao động hợp lý;

d) 80% trở lên công nhân thường xuyên được tập huấn, nâng cao tay nghề, thi nâng bậc theo định kỳ; lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả.

2. Thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa doanh nghiệp:

a) Có quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ giữa người lao động và người sử dụng lao động;

b) Xây dựng và thực hiện tốt nội quy lao động; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;

c) 80% trở lên người sử dụng lao động và người lao động thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

d) Không có người mắc các tệ nạn xã hội; không sử dụng, tàng trữ, luân chuyển các sản phẩm văn hóa độc hại; đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn xã hội;

đ) Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật; khuôn viên doanh nghiệp xanh, sạch, đẹp;

e) Không hút thuốc lá tại doanh nghiệp; không uống rượu, bia trong giờ làm việc.

3. Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người lao động:

a) 100% công nhân lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định;

b) Tạo thuận lợi cho công nhân về nơi làm việc, nhà ở, nhà trẻ, mẫu giáo, sinh hoạt đoàn thể; hỗ trợ công nhân lúc khó khăn, hoạn nạn;

c) Đảm bảo cơ sở vật chất hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch và vui chơi giải trí cho công nhân lao động.

4. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

a) 100% người sử dụng lao động và công nhân lao động được phổ biến chính sách, pháp luật về các lĩnh vực có liên quan;

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước; tích cực tham gia các chương trình về an sinh xã hội;

c) Thực hiện nghiêm mọi chế độ, chính sách, quyền lợi hợp pháp của công nhân theo các quy định của pháp luật;

d) Sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện 2: Thời gian đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa là năm (05) năm trở lên đối với trường hợp đã được công nhận (công nhận lại).

- Điều kiện 3: Thời gian đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa vào đầu năm.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

41. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn gửi 01 bộ hồ sơ thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân thông báo sản phẩm quảng cáo. Trường hợp không đồng ý với các nội dung trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo của tổ chức, cá nhân, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời, nêu rõ lý do và yêu cầu nội dung cần chỉnh sửa.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn;

(2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật quảng cáo;

(4) Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội;

(5) Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức;

(6) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn;

(7) Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo;

(8) Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật quảng cáo.

- **Số bộ hồ sơ:** 01

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Văn bản trả lời

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO
TRÊN BẢNG QUẢNG CÁO, BĂNG-RÔN

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố.....

1. Tên người thực hiện:
- GPKD số do.....cấp (nếu là doanh nghiệp)
- Số chứng minh thư nhân dân:Ngày cấp: Nơi cấp: (nếu là cá nhân)
- Địa chỉ:
-
- Số điện thoại:
-
2. Nội dung trên bảng quảng cáo, băng-rôn:.....
-
3. Địa điểm thực hiện:.....
4. Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm.....đến ngàytháng... năm...
5. Số lượng:.....
6. Phương án tháo dỡ (nếu có):
7. Tôi (chúng tôi) xin cam kết làm theo nội dung thông báo nêu trên và tháo dỡ đúng thời hạn ghi trong thông báo. Nếu có sai phạm, tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

.....,ngày..... tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

42. Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức, cá nhân tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo thông báo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 15 ngày trước ngày tổ chức đoàn người quảng cáo hồ sơ gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Văn bản thông báo đoàn người thực hiện quảng cáo.
- + Ma kết.

- Số bộ hồ sơ: 01.

*** Thời hạn giải quyết:** 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo;

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân;

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

*** Kết quả thực hiện:** Văn bản trả lời;

*** Lệ phí:** Không;

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

43. Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

(2) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận;

(3) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

(4) Các giấy tờ quy định tại Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số bộ hồ sơ: 01

*** *Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** *Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

*** *Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

* **Lệ phí:** 3.000.000 đồng/Giấy phép

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Địa điểm, ngày... tháng ...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy
phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh
doanh):.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của doanh nghiệp:.....

**Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với
nội dung cụ thể như sau:**

Tên Văn phòng đại diện:

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện:(ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã,
quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:(nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)...

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

- Họ và tên:.....Giới tính:.....
- Quốc tịch:.....
- Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....
- Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

44. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp dưới đây:

- a) Thay đổi tên gọi;
- b) Thay đổi phạm vi hoạt động;
- c) Thay đổi người đứng đầu;
- d) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

- Số bộ hồ sơ: 01

*** Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

*** Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Giấy phép

*** Lệ phí:** 1.500.000 đồng/Giấy phép

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 8) ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

Địa điểm, ngày... tháng ...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do cấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:.....

Do cấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....
Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....
Số tài khoản tiền Việt Nam :.....tại Ngân hàng:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Email:..... Website: (nếu có).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép).....
Người đứng đầu Văn phòng đại diện:
Họ và tên:.....Giới tính:.....
Quốc tịch:.....
Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân
Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:.....
Lý do điều chỉnh:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

45. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp dưới đây:

- a) Thay đổi tên gọi hoặc nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài sang nước khác;
- b) Thay đổi hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;
- c) Giấy phép bị mất, rách.

Nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả

*** *Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

(2) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Trường hợp Giấy phép bị mất phải có giấy xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất Giấy phép

- Số bộ hồ sơ: 01

*** *Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** *Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

*** *Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** *Kết quả thực hiện:*** Giấy phép

* **Lệ phí:** 1.500.000 đồng/Giấy phép

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Địa điểm, ngày... tháng ...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):

.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện: (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

.....

Giấy phép thành lập số:.....

Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....
Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....
Số tài khoản tiền Việt Nam :.....tại Ngân hàng:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Email:..... Website: (nếu có).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép).....
Người đứng đầu Văn phòng đại diện:
Họ và tên:.....Giới tính:.....
Quốc tịch:.....
Số hộ chiếu/Chứng minh thư nhân dân:.....
Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:

.....
Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

46. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Cá nhân, tổ chức nhập khẩu văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- + Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- + Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;
- + Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;
- + Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- + Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép.

Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ- 11 giờ, buổi chiều 13 giờ- 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

- Cá nhân, tổ chức nhận giấy phép tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua đường bưu điện.

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** *Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre .

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

+ Giấy chứng nhận bản quyền tác giả, bản dịch tóm tắt nội dung phim; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật, cụ thể:

+ Cá nhân, tổ chức nhập khẩu phim để phổ biến theo quy định của pháp luật phải cung cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt nội dung phim.

+ Cá nhân, tổ chức nhập khẩu di vật, cổ vật phải cung cấp giấy chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật.

+ Cá nhân, tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận chuyển văn hóa phẩm nhập khẩu cho khách hàng phải cung cấp giấy ủy quyền.

+ Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

* **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc.

* **Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(nếu là cơ quan, tổ chức) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp phép)*

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* cấp phép nhập khẩu
văn hoá phẩm dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

.....

.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin
cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hoá
phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
*(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên,
ghi chức vụ và đóng dấu)*

47. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đề xuất khẩu nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị giám định văn hóa phẩm tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ -17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức giám định văn hóa phẩm trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).*

- + Văn hóa phẩm đề nghị giám định (bản gốc).
- + Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:** Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.

*** Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu.

*** Lệ phí:** Không

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(nếu là cơ quan, tổ chức) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HOÁ PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: (Tên cơ quan giám định)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám định
văn hoá phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất
khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên,
ghi chức vụ và đóng dấu)

48. Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Thương nhân thuộc địa phương đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm là cơ sở để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu (theo mẫu).
- (2) Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước, nguồn gốc của tác phẩm;
- (3) Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hoặc tài liệu chứng minh tác phẩm được chủ sở hữu hoặc người sở hữu quyền cho phép nhập khẩu.

- Số bộ hồ sơ: 01

*** Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

*** Kết quả thực hiện:** Văn bản phê duyệt

*** Phí, lệ phí:**

1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:

Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng

2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

**TÊN THƯƠNG
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh*) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này*).....
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định và phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh đề nghị nhập khẩu dưới đây:
 - Tên tác phẩm:
 - Chất liệu, kích thước tác phẩm:
 - Nội dung tác phẩm:
6. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định về nhập khẩu tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
 - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
 - Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

49. Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện**

Bước 1. Thương nhân có chức năng kinh doanh nhập khẩu phim, chiếu phim, phân phối phim thuộc địa phương đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu đối với các sản phẩm sau:

- + Phim tài liệu;
- + Phim khoa học;
- + Phim hoạt hình.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện sau:

- + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;
- + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến.

Nếu trong năm, địa phương không đáp ứng được hai điều kiện quy định trên thì năm kế tiếp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không còn thẩm quyền cấp Giấy phép phổ biến phim truyện.

Gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Giấy phép phổ biến phim hoặc văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp là căn cứ để Thương nhân làm thủ tục thông quan tại hải quan.

- Đối với các tác phẩm điện ảnh nhập khẩu để phát sóng trên truyền hình:

Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc Đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc phát sóng trên đài truyền hình của mình tác phẩm điện ảnh do mình nhập khẩu.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre .

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) Đơn đăng ký xét duyệt nội dung tác phẩm (theo mẫu).
- (2) Văn bản chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tác phẩm hoặc sản phẩm;
- (3) Tác phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu;
- (4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ;

* **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

* **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân;

* **Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

* **Kết quả thực hiện:** Quyết định hành chính;

* **Phí, lệ phí:**

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến/văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu (Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Email:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh...*) số.....

4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 8 Thông tư này*)

5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, lưu hành tác phẩm điện ảnh;

Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu dưới đây:

- Cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định.....

- Bộ phim:.....

- Thể loại (*truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình...*):.....

- Hãng sản xuất hoặc phát hành:.....

- Nước sản xuất.....

- Nhập phim qua đối tác.....

- Biên kịch:.....

- Đạo diễn.....

- Quay phim:.....
- Chất liệu phim trình duyệt (*nhựa, băng hình, đĩa hình....*):.....
- Độ dài (*tính bằng phút*):.....
- Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):.....
- Chủ sở hữu bản quyền:.....
- Tóm tắt nội dung (*trong đó bao gồm: tên gốc nước ngoài của phim; năm sản xuất; ngôn ngữ gốc; tóm tắt nội dung phim và thông tin khác nếu có*).....

6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

50. Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Thương nhân có trụ sở chính tại địa phương (không có đăng ký hoạt động đầu tư hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác) đề nghị nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là căn cứ để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- (1) Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm (theo mẫu).
- (2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có);
- (3) Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm hàng hóa đề nghị nhập khẩu (kèm theo văn bản dịch ra tiếng Việt);
- (4) Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có);
- (5) Mẫu sản phẩm đề nghị nhập khẩu.

- **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ;

*** Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

*** Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân;

*** Cơ quan thực hiện:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;

*** Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận;

*** Phí, lệ phí:**

Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:

1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

- Đối với bản ghi âm:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

- Đối với bản ghi hình:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu (Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định

chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn
có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh...*) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này*)
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về nhập khẩu sản phẩm có nội dung văn hóa;
Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu dưới đây:
 - Tên hàng hóa:.....
 - Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....
 - Mô tả nội dung, đặc điểm, tính năng, chủng loại, cách thức sử dụng/vận hành của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác theo yêu cầu tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này:
 - Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....
 - Tại cửa khẩu:.....
 - Mục đích - địa điểm nhập khẩu/lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các điều kiện nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa;
 - Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)**(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

51. Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên

*** *Trình tự thực hiện***

Bước 1. Người đứng tên thành lập thư viện gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre, Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, nơi thư viện đặt trụ sở. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đứng tên thành lập thư viện, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện cho thư viện. Trong trường hợp từ chối phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre, Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

* ***Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre, Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- (1) Đơn đăng ký hoạt động thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng.
- (2) Danh mục vốn tài liệu thư viện hiện có;
- (3) Sơ yếu lý lịch của người đứng tên thành lập thư viện có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;
- (4) Nội quy thư viện.

- **Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

* ***Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* ***Đối tượng thực hiện:*** Cá nhân, tổ chức

* ***Cơ quan thực hiện:*** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

* ***Kết quả thực hiện:*** Giấy chứng nhận

* ***Phí, lệ phí:*** Không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (Mẫu 1 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009).

- Bảng kê danh mục các tài liệu hiện có trong thư viện (Mẫu 2 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009).

* ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:***

(1) Có vốn tài liệu ban đầu về một hay nhiều môn loại tri thức khoa học với số lượng ít nhất là 500 bản sách và 1 tên ấn phẩm định kỳ, được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện.

(2) Có diện tích đáp ứng yêu cầu về bảo quản vốn tài liệu và phục vụ công chúng với số lượng chỗ ngồi đọc ít nhất 10 chỗ, không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông; đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan văn hóa.

(3) Có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và các trang thiết bị chuyên dùng ban đầu như giá, tủ để tài liệu; bàn, ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục vốn tài liệu thư viện để phục vụ tra cứu; tùy điều kiện cụ thể của thư viện có thể có các trang thiết bị hiện đại khác như máy tính, các thiết bị viễn thông.

(4) Người đứng tên thành lập và làm việc trong thư viện:

a) Người đứng tên thành lập thư viện phải có quốc tịch Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên; có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi; am hiểu về sách báo và lĩnh vực thư viện.

b) Người làm việc trong thư viện phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành thư viện - thông tin. Nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải được bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ thư viện tương đương trình độ đại học thư viện - thông tin.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2001.

- Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện. Có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 8 năm 2002.

- Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện. Có hiệu lực thi hành ngày 05 tháng 10 năm 2003.

- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 02 năm 2009.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THƯ VIỆN TƯ NHÂN CÓ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Kính gửi:

Tên tôi là:

- Sinh ngày/tháng/năm:

- Nam (nữ):

- Trình độ văn hóa:

- Trình độ chuyên môn:

- Hộ khẩu thường trú:

đứng tên thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

Tên thư viện:

Địa chỉ: ; Số điện thoại: ; Fax/E.mail:

Tổng số bản sách: ; Tổng số tên báo, tạp chí:

(tính đến thời điểm xin thành lập thư viện)

Diện tích thư viện: ; Số chỗ ngồi:

Nhân viên thư viện:

- Số lượng:

- Trình độ:

Nguồn kinh phí của thư viện:

Tôi làm đơn này đề nghị đăng ký hoạt động cho Thư viện
với.....

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(ký tên)

**BẢNG KÊ DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU
HIỆN CÓ TRONG THƯ VIỆN**

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Nguồn gốc tài liệu	Hình thức tài liệu (sách báo, CD-ROM...)

52. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** *Trình tự thực hiện:***

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội thành lập; cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập; cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.

Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

* ***Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (theo mẫu số M4b, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL);

2. Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Trách nhiệm, quyền lợi của nạn nhân bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn;

4. Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau:

- Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nêu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ;

- Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có).

5. Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu;

6. Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

* *Thời hạn giải quyết:*

Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

* ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- ***Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

2. Quy chế hoạt động của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

* ***Lệ phí:*** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

* ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (mẫu số M4b, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL).

* ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:***

1. Có nơi làm việc cố định, có nguồn kinh phí để đảm bảo hoạt động của cơ sở;

2. Người đứng đầu cơ sở có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc các trường hợp đang trong thời gian chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở chữa bệnh, đưa vào cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

3. Có nhân viên tư vấn và người làm việc tại cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, gồm các tiêu chuẩn:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt;

b. Có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực tư vấn và hỗ trợ nạn nhân;

c. Có chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

d. Người làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình phải được tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Cơ sở có diện tích tối thiểu là 30m², có phòng được bố trí là nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình, đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, môi trường;

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

(Khổ giấy 210mm x 297mm)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;
Căn cứ Thông tư số../2010/TT-BVHTTDL ngày... tháng ... năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

Sau khi đã xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình với tên gọi là

Chúng tôi gồm¹:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
- Năm sinh:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:

Ngày cấp: nơi cấp

- Quốc tịch:
- Trình độ học vấn

Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền, kèm theo các loại giấy tờ cần thiết theo quy định, đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, hoạt động trong phạm vi địa phương (tỉnh/huyện), trụ sở tại:.....

Hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình của chúng tôi chắc chắn sẽ góp phần vào việc phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

Chúng tôi (tôi) cam kết thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở
(ký tên)

¹ Nếu là tập thể thì ghi rõ thông tin các thành viên sáng lập

53. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu bị mất, bị rách hoặc hư hỏng nộp hồ sơ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

Nếu không đồng ý việc cấp lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Cơ sở được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp lại) cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để theo dõi, quản lý.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng);

3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

* **Thời gian thực hiện:** là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (cấp lại).

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (Mẫu số M8b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

*** Điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
 - Năm sinh:.....
 - Địa chỉ thường trú:
 - Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
- nơi cấp
- Quốc tịch:
- Đại diện Cơ sở:.....
- Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
- Lý do đề nghị cấp lại: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở bị
-(mất, rách nát, hư hỏng).
- Cam kết của Cơ sở:
- Trung thực trong việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở;
 - Thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

**Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở
(ký tên)**

54. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** *Trình tự thực hiện:***

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động thì nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

- Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt đồng thời với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở.

Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

*** *Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở;
3. Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động);
4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** *Thời hạn giải quyết:*** Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
2. Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (trường hợp Quy chế hoạt động được sửa đổi, bổ sung)

* **Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (Mẫu số M8b1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

* **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
 - Đại diện Cơ sở:.....
 - Năm sinh:.....
 - Địa chỉ thường trú:
 - Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
- nơi cấp
- Quốc tịch:
- Đại diện Cơ sở:.....
- Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
- Lý do đề nghị cấp đổi: Cơ sở có nhu cầu thay đổi(tên gọi, người đứng đầu, địa điểm đặt trụ sở).
- Cam kết của Cơ sở:
- Việc đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ cũng như các hoạt động khác;
 - Thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở
(ký tên)

55. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội thành lập; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (mẫu số M4a, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL);

2. Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Trách nhiệm, quyền lợi của người gây bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình;

- Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn;

4. Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau:

- Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ;

- Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có).

5. Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu;

6. Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Quy chế hoạt động của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

* **Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (mẫu số M4a, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Có nơi làm việc cố định, có nguồn kinh phí để đảm bảo hoạt động của cơ sở;

2. Người đứng đầu cơ sở có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc các trường hợp đang trong thời gian chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ

sở chữa bệnh, đưa vào cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

3. Có nhân viên tư vấn và người làm việc tại cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, gồm các tiêu chuẩn:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực tư vấn và hỗ trợ nạn nhân;
- Có chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
- Người làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình phải được tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ TƯ VẤN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BVHTTDL ngày... tháng....năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

Sau khi đã xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình với tên gọi là

Chúng tôi gồm:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....

- Năm sinh:.....

- Địa chỉ thường trú:

- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:.....

ngày cấp:..... nơi cấp

- Quốc tịch:

- Trình độ học vấn

Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền, kèm theo các loại giấy tờ cần thiết theo quy định, đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, hoạt động trong phạm vi.....,.....có trụ sở đặt

tại:.....

Hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình của chúng tôi chắc chắn sẽ góp phần vào việc phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

Chúng tôi (tôi) cam kết thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở

¹ Nếu là tập thể sáng lập ghi rõ từng thành viên theo thông tin trên

² Toàn quốc/tỉnh/huyện

56. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu bị mất, bị rách hoặc hư hỏng nộp hồ sơ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Nếu không đồng ý việc cấp lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Cơ sở được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp lại) cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để theo dõi, quản lý.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng);

3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:** Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (cấp lại).

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình (mẫu số M8a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

* ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:*** Không.

* ***Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ TƯ VẤN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
- Năm sinh:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
nơi cấp

Quốc tịch:

- Đại diện Cơ sở:.....

Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Lý do đề nghị cấp lại: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở bị
.....(mất, rách nát, hư hỏng).

Cam kết của Cơ sở:

- Trung thực trong việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở;

- Thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

**Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở
(ký tên)**

57. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động thì nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt đồng thời với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở;

3. Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động);

4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt (trường hợp Quy chế hoạt động được sửa đổi, bổ sung).

*** Lệ phí:** Không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (Mẫu số M8a1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ TƯ VẤN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
 - Năm sinh:.....
 - Địa chỉ thường trú:
 - Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
nơi cấp
 - Quốc tịch:
 - Đại diện Cơ sở:.....
- Làm đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.
- Lý do đề nghị cấp đổi: Cơ sở có nhu cầu thay đổi (tên gọi, người đứng đầu, địa điểm của trụ sở).
- Cam kết của Cơ sở:
- Việc đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ cũng như các hoạt động khác;
 - Thực hiện đúng Quy chế hoạt động của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

**Đại diện tổ chức, cá nhân xin
đăng ký hoạt động của cơ sở
(ký tên)**

58. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Định kỳ hằng năm hoặc trên cơ sở căn cứ vào số lượng người đăng ký thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo ít nhất trên một tờ báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức thi và lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc; Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập hội đồng thi và đánh giá kết quả thi.

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình gửi hồ sơ đăng ký tham dự kỳ thi tới Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tham gia kỳ thi do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

* **Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký tham dự kiểm tra;
2. Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình;
3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đó công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú;
4. 02 ảnh cỡ 3x4cm.

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

* **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

* **Lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Cá nhân phải có điều kiện:

- Có Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình;

- Đạt điểm tối thiểu là 50 điểm trở lên trong thang điểm 100 của mỗi môn thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

59. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Định kỳ hằng năm hoặc trên cơ sở căn cứ vào số lượng người đăng ký thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo ít nhất trên một tờ báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức thi và lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc; Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, căn cứ vào Thông báo về việc tổ chức thi lấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên báo hàng ngày của Trung ương hoặc của địa phương, gửi hồ sơ đăng ký tham dự kỳ thi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tham gia kỳ thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập hội đồng thi và đánh giá kết quả thi.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*** Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký tham dự kiểm tra;
2. Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đó công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú;
4. 02 ảnh cỡ 3x4cm.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

*** Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Cá nhân phải có điều kiện:

- Có Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Đạt điểm tối thiểu là 50 điểm trở lên trong thang điểm 100 của mỗi môn thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

60. Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân có nhu cầu cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi Bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên chăm sóc;
2. Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình;
3. 02 ảnh cỡ 3 x 4cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên chăm sóc (Mẫu số M9a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

*** Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Cá nhân có đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nhưng đã được xóa án tích; trong quá trình hành nghề phải tuân thủ quy chế hoạt động của cơ sở và các quy định khác của pháp luật;

2. Tiêu chuẩn về kiến thức:

- Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với những nhân viên chăm sóc tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình,

được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

- Có chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp.

3. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm: có ít nhất 01 năm hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc y tế, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP THẺ NHÂN VIÊN CHĂM SÓC NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
 - Năm sinh:.....
 - Địa chỉ thường trú:
 - Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
- nơi cấp
- Quốc tịch:

Tôi viết đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

Người viết đơn
(ký và viết đầy đủ họ, tên)

61. Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình bị mất thẻ, bị rách hoặc hư hỏng thẻ, nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc.

Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi Bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc;
2. Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng);
3. Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc.
4. 02 ảnh cỡ 3 x 4cm.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (cấp lại).

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

* Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc theo mẫu số M9a1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

*** Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng

nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ NHÂN VIÊN CHĂM SÓC
NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
- Năm sinh:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
nơi cấp
- Quốc tịch:

Tôi viết đơn này đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

Lý do: Thẻ của tôi không sử dụng được do bị..... (*thất lạc hoặc rách hoặc hư hỏng*).

Tôi cam đoan lý do trình bày trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người viết đơn
(ký và viết đầy đủ họ, tên)

62. Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân có nhu cầu cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp thẻ cho nhân viên tư vấn.

Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi Bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên tư vấn;
2. Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
3. 02 ảnh cỡ 3 x 4cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thực hiện là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ nhân viên tư vấn.

*** Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên tư vấn (Mẫu số M9b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

*** Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Cá nhân có đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nhưng đã được xóa án tích; trong quá trình hành nghề phải tuân thủ quy chế hoạt động của cơ sở và các quy định khác của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn về kiến thức:

- Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với những nhân viên tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

- Có chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp.

3. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm: có ít nhất 01 năm hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc y tế, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ NHÂN VIÊN TƯ VẤN
PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....
- Năm sinh:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....
nơi cấp

Quốc tịch:

Tôi viết đơn này đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Người viết đơn

(ký và viết đầy đủ họ, tên)

63. Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình

*** Trình tự thực hiện:**

- Nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình bị mất thẻ, bị rách hoặc hư hỏng thẻ, nộp hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại Thẻ cho nhân viên tư vấn.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi Bưu điện cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn;
2. Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng);
3. Bản sao Giấy Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.
4. 02 ảnh cỡ 3 x 4cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thực hiện là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (cấp lại).

* **Lệ phí:** Không quy định lệ phí trong các văn bản.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân viên tư vấn (Mẫu số M9b1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL).

* **Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;

- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ NHÂN VIÊN TƯ VẤN
PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Kính gửi:.....

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):.....

- Năm sinh:.....

- Địa chỉ thường trú:

- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....

nơi cấp

- Quốc tịch:

Tôi viết đơn này đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình.

Lý do: Thẻ của tôi không sử dụng được, vì lý do:..... (*thất lạc hoặc rách hoặc hư hỏng*).

Tôi cam đoan lý do trình bày trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người viết đơn

(ký và viết đầy đủ họ, tên)

64. Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ

*** Trình tự thực hiện:**

Cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ quản trực tiếp hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đề nghị cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ phù hợp với kịch bản phim, nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật.

- Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (Số 03 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ – 17 giờ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản trực tiếp hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có văn bản trả lời về việc đồng ý triển khai thực hiện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi Bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ (theo mẫu số 02 ban hành theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành thông tư Quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép

triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ).

2. Bản sao chứng nhận quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

3. Kịch bản phim hoặc bản nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thực hiện là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Cơ quan chủ quản trực tiếp hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cơ quan chủ quản trực tiếp hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

* ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản trả lời.

* ***Lệ phí:*** Không.

* ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị cho phép triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ (theo mẫu 02 ban hành theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ).

* ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:*** Không.

* ***Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012.

- Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TRIỂN KHAI SỬ DỤNG
VŨ KHÍ QUÂN DỤNG/SÚNG SẴN/VŨ KHÍ THỂ THAO/
VẬT LIỆU NỔ/CÔNG CỤ HỖ TRỢ ĐỂ LÀM ĐẠO CỤ**

Kính gửi: Tên cơ quan chủ quản/
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

1. Tên cơ quan/tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... - Fax:.....

Website:..... - Email:.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức:.....

Giới tính:..... Chức danh:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn giá trị sử dụng số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Nội dung đề nghị:

- Loại vũ khí đề nghị sử dụng:

Vũ khí quân dụng

Súng săn

Vũ khí thể thao

- Vật liệu nổ đề nghị sử dụng:

- Công cụ hỗ trợ đề nghị sử dụng:

Loại hình: Phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật (*ghi rõ tên phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật*)

Lý do đề nghị:

Đề nghị (*ghi rõ tên cơ quan chủ quản hoặc Sở Văn hóa,*

Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) cho phép triển khai thực hiện sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng để làm đạo cụ trong phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật.

Cam kết: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(*Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

65. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(3) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, gồm:

+ Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

+ Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

(1) Huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao chuyên ngành phù hợp với hoạt động của môn thể thao chuyên nghiệp và hoàn thành chương trình đào tạo huấn luyện viên chuyên nghiệp của liên đoàn thể thao quốc gia.

- Có bằng huấn luyện viên chuyên nghiệp do liên đoàn thể thao châu lục hoặc thế giới của môn thể thao chuyên nghiệp cấp.

- Có bằng huấn luyện viên chuyên nghiệp của nước ngoài được liên đoàn thể thao châu lục hoặc thế giới của môn thể thao chuyên nghiệp công nhận.

(2) Vận động viên chuyên nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có hợp đồng lao động với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

- Được liên đoàn thể thao quốc gia công nhận là vận động viên chuyên nghiệp. Trường hợp vận động viên là người nước ngoài tham gia thi đấu thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam phải có chứng nhận chuyển nhượng quốc tế và Giấy phép lao động theo quy định pháp luật về lao động.

(3) Nhân viên y tế thường trực trong các buổi tập luyện và thi đấu thể thao chuyên nghiệp hoặc nhân viên y tế của cơ sở y tế mà câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp ký hợp đồng để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết phải có trình độ chuyên môn từ cao đẳng y tế trở lên.

(4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao chuyên nghiệp phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với quy định của các tổ chức thể thao chuyên nghiệp quốc tế.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
 (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

66. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Điều kiện chung về kinh doanh hoạt động thể thao:

(1) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

(2) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao.

Điều kiện riêng kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

(1) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế.

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

(2) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

(1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ nhân viên chuyên môn theo, bao gồm:

Người hướng dẫn tập luyện thể thao;

Nhân viên cứu hộ;

Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Điều kiện riêng hoạt động thể thao dưới nước:

(1) Có nhân viên cứu hộ.

(2) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

(3) Đối với hoạt động thể thao trên sông, trên biển, trên hồ hoặc suối lớn phải có xuồng máy cứu sinh.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
 (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:
 Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

67. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khi thay đổi một trong các nội dung giấy chứng nhận sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- + Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao;
- + Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh;
- + Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

(3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....
5. Lý do đề nghị cấp lại:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số..... /2019/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

68. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp (trường hợp bị hư hỏng);

(3) Giấy xác nhận có mặt có xác nhận của địa phương (trường hợp bị mất).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm

2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....
5. Lý do đề nghị cấp lại:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số..... /2019/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

69. Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thể thao; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trận tự, an toàn khi tổ chức;

+ Điều lệ giải thể thao.

+ Chương trình thi đấu.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Chủ tịch Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng cai tổ chức giải trong trường hợp chưa có liên đoàn thể thao quốc gia.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

70. Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nộp hồ sơ đăng cai tổ chức giải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ -17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thể thao; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trận tự, an toàn khi tổ chức;

+ Điều lệ giải thể thao.

+ Chương trình thi đấu.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Chủ tịch liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.

71. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nộp hồ sơ đăng cai tổ chức giải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ -11 giờ, buổi chiều 13 giờ -17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thể thao; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trận tự, an toàn khi tổ chức;

- + Điều lệ giải thể thao.
- + Chương trình thi đấu.

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- ***Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:*** Chủ tịch liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định hành chính.

*** *Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

72. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt.

b) Khoảng cách từ sàn tập đến trần nhà không thấp hơn 2,7m.

c) Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên.

d) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu.

đ) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

e) Việc tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga ở ngoài trời phải tuân thủ quy định tại các điểm a, c, d, đ mục này.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện:

- Đảm bảo mỗi người tập có 01 thảm tập cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn;

- Đối với động tác Yoga bay (Yoga fly): Võng lùa (dây) chịu được ít nhất 300 kg trọng lực, được lắp đặt trên một hệ thống treo có khả năng đảm bảo an toàn cho người tập luyện. Chiều dài của dây có thể điều chỉnh để vừa với tư thế người tập;

- Các dụng cụ hỗ trợ tập luyện môn Yoga phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập.

b) Trang thiết bị thi đấu:

- Đảm bảo mỗi người có 01 thảm cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn;

- Có thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải;

- Đồng hồ bấm giờ, bảng báo giờ, bảng điểm, loa, vạch giới hạn sân thi đấu.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu 2,5m²/01 người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 người trong một giờ học.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Luật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

73. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Đối với sân tập Golf ngoài trời:

- Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf.

- Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến điểm cách điểm phát bóng 150m.

- Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh.

- Có lưới bảo vệ cao ít nhất là 20m ở hai bên và phía trước đường tập (lane);

- Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm phát bóng của đường tập không nhỏ hơn 2,5m;

- Trường hợp sân tập Golf có kích thước chiều dài nhỏ hơn 200m thì phải có lưới bảo vệ ở trên nóc đường tập;

- Trường hợp sân tập Golf trên hồ phải có phao ngăn cách giữa khu vực tập luyện và khu vực bên ngoài, biển cảnh báo.

b) Đối với sân tập Golf trong nhà:

- Có kích thước chiều dài ít nhất là 6m, chiều rộng ít nhất là 5m và chiều cao ít nhất là 3,5m;

- Ở hai bên, phía trước và nóc của đường tập có vật liệu giảm chấn như lưới, mút để đảm bảo khi bóng đánh vào đạt độ nảy không quá 1,5m;

- Trường hợp phòng tập có nhiều đường tập:

- Khoảng cách giữa các điểm phát bóng không nhỏ hơn 2,5m;

- Có lưới ngăn cách giữa các đường tập cao đến trần của sân tập Golf trong nhà.

c) Trang thiết bị dùng để tập luyện phải đảm bảo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế.

d) Nội quy sân tập Golf bao gồm những nội dung chủ yếu sau: đối tượng được phép tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện Golf, giờ luyện tập, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf.

b) Có bản đồ mô tả một số vị trí chính: khu vực phát bóng, vị trí từng hố golf, vị trí tạo độ khó của sân và vị trí địa điểm nghỉ sau vòng đấu.

c) Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến điểm cách điểm phát bóng 150m.

d) Bố trí điểm sơ cứu, cấp cứu tại các khu vực trên sân Golf; đảm bảo thuận lợi cho xe cứu thương di chuyển.

đ) Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh.

e) Có cờ, còi và biển báo hiệu đánh dấu các mốc khoảng cách.

g) Có thiết bị cảnh báo và hệ thống báo động khi có sét.

h) Trang thiết bị, dụng cụ thi đấu môn Golf đảm bảo theo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế.

i) Phương tiện di chuyển cho các thành viên tổ chức, điều hành và các vận động viên trong quá trình thi đấu.

k) Bộ đàm, đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo cho các thành viên tổ chức và điều hành giải; đồng hồ thông báo tại hố số 1, hố số 10 và khu vực sân tập.

(3) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
Ngày cấp://Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

74. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Mặt sân cầu lông:

- Có chiều dài ít nhất 15,40m và chiều rộng ít nhất 8,10m;

- Mặt sân phẳng, không trơn trượt.

b) Kích thước sân:

- Đối với sân đánh đôi: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 6,10m, độ dài đường chéo sân là 14,723m;

- Đối với sân đánh đơn: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 5,18m, độ dài đường chéo sân là 14,366m;

- Các đường biên và đường giới hạn có chiều rộng 4cm.;

- Khoảng cách từ đường biên ngang, đường biên dọc đến tường bao quanh và đến sân kế tiếp ít nhất 01m;

- Đối với sân cầu lông trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m, tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

c) Chiều cao của lưới là 1,55m, cột lưới có hình trụ, đủ chắc chắn và đứng thẳng khi lưới được căng lên. Hai cột lưới và các phụ kiện không được đặt vào trong sân.

d) Lưới được làm từ sợi dây nylon hoặc chất liệu tổng hợp có màu sẫm, các mắt lưới không nhỏ hơn 15mm và không lớn hơn 20mm, mép trên của lưới được nẹp màu trắng.

đ) Đảm bảo ánh sáng trên sân ít nhất là 150 lux.

e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh.

g) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giò tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

- Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Cầu lông phải đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e mục (1) nêu trên.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
Ngày cấp://Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

75. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên.

b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên.

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

đ) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

e) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

g) Trang thiết bị tập luyện:

- Võ phục tập luyện: 01 bộ/01 võ sinh.

- Địch đá các loại: 10 chiếc/04 võ sinh.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Tuân thủ các điều kiện quy định tại điểm b, c, d mục (1) nêu trên.

b) Sàn thi đấu bằng phẳng được trải thảm có tính đàn hồi, kích thước thảm thi đấu 10m x 10m.

c) Võ phục thi đấu, bảo hộ tay, chân, gối, hạ bộ và bịt răng: 01 bộ/01 võ sinh.

d) Giáp, mũ thi đấu Taekwondo: 03 bộ/01 sân.

đ) Bảng công bố điểm, cân trọng lượng võ sinh.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh;

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

76. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên.

b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên.

c) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

d) Có võ phục chuyên môn Karate: găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lämpơ)

đ) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thảm hình vuông có chiều dài mỗi cạnh từ 10m đến 12m;

b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b mục (1) nêu trên.

c) Bảo vệ cơ thể, bịt răng, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể, công và cờ trọng tài gồm hai màu xanh và màu đỏ;

d) Có võ phục chuyên môn Karate; găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lämpơ);

đ) Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh;

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:
Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

77. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Bể bơi:

- Kích thước: Bể bơi được xây dựng hoặc lắp đặt có kích thước không nhỏ hơn 6m x 12m hoặc có diện tích tương đương;

- Đáy bể có độ dốc đều, không gập khúc, chênh lệch độ sâu không quá 01m đối với bể bơi có chiều dài từ 25m trở lên hoặc không quá 0,5m đối với bể bơi có chiều dài nhỏ hơn 25m;

- Thành bể, đáy bể có bề mặt nhẵn, mịn, dễ làm sạch.

b) Bục xuất phát chỉ được lắp đối với bể bơi có độ sâu không nhỏ hơn 1,35m.

c) Có phòng thay đồ, khu tắm tráng và khu vệ sinh; sàn các khu vực này và xung quanh bể bơi phải phẳng, không đọng nước, không trơn trượt.

d) Khu vực rửa chân được đặt tại vị trí trước khi người tập xuống bể.

đ) Có hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt.

e) Hệ thống ánh sáng đảm bảo độ sáng không nhỏ hơn 300 Lux ở mọi địa điểm trên mặt nước bể bơi.

g) Có dây phao được căng để phân chia các khu vực của bể bơi.

h) Dụng cụ cứu hộ:

- Sào cứu hộ được đặt trên thành bể ở các vị trí thuận lợi để quan sát và sử dụng, có độ dài 2,5m, sơn màu đỏ - trắng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 sào;

- Phao cứu sinh được đặt trên thành bể ở vị trí thuận lợi khi sử dụng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 phao;

- Ghé cứu hộ được đặt trên thành bể với vị trí thuận lợi để quan sát cho nhân viên cứu hộ, có chiều cao ít nhất 1,5m so với mặt bể.

i) Bảng nội quy, biển báo:

- Bảng nội quy, biển báo được đặt ở các hướng, vị trí khác nhau, dễ đọc, dễ quan sát;

- Bảng nội quy bao gồm các nội dung chủ yếu sau: giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn, quy định đối tượng không được tham gia tập luyện và các quy định khác;

- Biển báo khu vực dành cho người không biết bơi (có độ sâu từ 01m trở xuống); khu vực dành cho những người biết bơi và khu vực cấm nhảy cắm đầu (có độ sâu ít hơn 1,4m).

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g mục (1) nêu trên.

b) Có đường bơi rộng ít nhất 02m, được phân cách bằng dây phao nổi giảm sóng.

(3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

a) Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 01 người/01m² ở khu vực nước nông (độ sâu dưới 01m) hoặc 01 người/02m² ở khu vực nước sâu (độ sâu từ 01m trở lên).

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện chỉ được hướng dẫn không quá 30 người hoặc không quá 20 người đối với trẻ em dưới 10 tuổi trong một buổi tập.

c) Phải bảo đảm có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia tập luyện và thi đấu. Số lượng nhân viên cứu hộ phải đảm bảo ít nhất 200m² mặt nước bể bơi/01 nhân viên, trường hợp có đông người tham gia tập luyện phải đảm bảo ít nhất 50 người bơi/01 nhân viên trong cùng một thời điểm.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:
Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

78. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

+ ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*** Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ ***Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, khoảng cách tính từ mép ngoài bàn tới tường ít nhất là 1,5m, khoảng cách các bàn với nhau ít nhất là 1,2m.

b) Cơ sở tổ chức tập luyện và thi đấu Billiards & Snooker phải có ít nhất một trong những loại bàn sau:

- Bàn snooker: Chiều dài lòng bàn 3,569m (độ dao động từ 3,556m đến 3,582m), chiều rộng lòng bàn 1,778m (độ dao động từ 1,765m đến 1,791m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 85mm đến 88 mm;

- Bàn pool: Chiều dài lòng bàn 2,54m (độ dao động từ 2,537m đến 2,543m), chiều rộng lòng bàn 1,27 m (độ dao động từ 1,267m đến 1,273m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 74mm đến 79mm;

- Bàn carom: Gồm bàn lớn và bàn nhỏ. Chiều dài lòng bàn lớn 2,84m (độ dao động từ 2,835m đến 2,845m), chiều rộng lòng bàn lớn 1,42m (độ dao động từ 1,415m đến 1,425m). Chiều dài lòng bàn nhỏ 2,54m (độ dao động từ 2,535m đến 2,545m), chiều rộng lòng bàn nhỏ 1,27m (độ dao động từ 1,265m đến 1,275m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 75mm đến 80mm.

c) Mặt bàn phải đảm bảo độ phẳng và được trải bằng vải, nỉ phù hợp với từng loại bàn.

d) Có bi sử dụng phù hợp với từng loại bàn.

đ) Có cơ, cầu nối, lơ, giá để cơ, bảng ghi điểm.

e) Ánh sáng tại các điểm trên mặt bàn và thành băng ít nhất là 300 lux.

g) Trường hợp đèn được thiết kế cho mỗi bàn thì khoảng cách từ điểm thấp nhất của đèn đến mặt bàn ít nhất là 1m.

h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn trong tập luyện.

(2) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

79. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, kín gió, không bị chói mắt. Sàn bằng phẳng, không trơn trượt.

b) Bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng ít nhất 5m, chiều dài ít nhất 8m.

c) Mặt bàn có độ nảy đồng đều khoảng 23cm khi thả quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30cm xuống mặt bàn.

d) Quả bóng hình cầu có đường kính 40mm, nặng 2,7g làm bằng chất liệu xen-lu-lô-ít hoặc chất liệu nhựa dẻo tương tự, có màu trắng hoặc màu da cam.

đ) Lưới và cọc lưới có chiều cao 15.25cm. Khoảng cách giới hạn ngoài đường biên dọc với cọc lưới là 15.25cm, mép trên của lưới phải cao đều 15.25cm, mép dưới của lưới phải sát với mặt bàn, cạnh bên của lưới phải sát với cọc lưới.

e) Bảo đảm ánh sáng đồng đều tới các điểm trên mặt bàn và khu vực bàn bóng ít nhất 300 Lux, đèn được thiết kế cho mỗi bàn có chiều cao ít nhất tính từ mặt bàn là 4m.

g) Tấm chắn bóng quanh khuôn viên đặt bàn cao 75cm, sẫm màu, tránh phản quang và lẫn với màu của quả bóng.

h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh.

i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên.

b) Bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng ít nhất 7m, chiều dài ít nhất 14m.

c) Có bàn để bảng lật số, ghế trọng tài.

(3) Mật độ tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

80. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất tập luyện, thi đấu và biểu diễn

a) Có khu vực xuất phát và khu vực đỗ đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Độ cao chênh lệch giữa khu vực xuất phát cao hơn khu vực đỗ ít nhất là 70 mét;

- Kích thước khu vực xuất phát:

+ Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc;

+ Đối với môn Điều bay ít nhất là: 10 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc.

- Kích thước khu vực đỗ:

+ Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 30 mét chiều ngang và 30 mét chiều dọc;

+ Đối với môn Điều bay ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 60 mét chiều dọc.

b) Điều kiện gió phù hợp để cất cánh:

- Đối với dù lượn cấp độ thấp (cấp độ EN A, EN B) là 0-5,5 m/s;

- Đối với dù lượn cấp độ cao, dù lượn thi đấu là từ 0-8,8 m/s;

- Đối với điều bay không có động cơ là từ 6,6-8,8 m/s;

- Đối với điều bay có động cơ là từ 0-8,8 m/s.

c) Có các bảng nội quy, bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát và khu vực đỗ đối với các nội dung sau đây:

- Bảng nội quy quy định về: Giờ tập luyện, đối tượng được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, thi đấu và các quy định khác;

- Bảng chỉ dẫn quy định về: Bản đồ khu vực bay, giới hạn khu vực bay, các quy định về khu vực bay, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý bay, tần số bộ đàm và cách thức liên lạc khi cần thiết.

d) Kế hoạch an toàn, tìm kiếm và cứu nạn

- Kế hoạch nêu rõ các biện pháp bảo đảm an toàn, tìm kiếm và cứu nạn trong vùng hoạt động bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở và phải thường xuyên kiểm tra, cập nhật kế hoạch bay;

- Người tham gia hoạt động môn Dù lượn và môn Điều bay phải được phổ biến và hướng dẫn kế hoạch bay để nắm rõ về cách thức liên lạc và trình tự các bước tìm kiếm, cứu nạn.

(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu và biểu diễn

a) Dù chính, dù phụ (đối với môn Dù lượn) và điều, dù phụ (đối với môn Điều bay), đai ngồi, hệ thống dây an toàn, bộ đàm, mũ bảo hiểm, giày, thiết bị đo độ cao, định vị toàn cầu.

b) Phải có phương tiện thông tin, liên lạc đảm bảo yêu cầu liên lạc thông suốt từ bộ phận điều hành đến quản lý bay khu vực, các vùng hoạt động dù lượn và điều bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

c) Hình thức Dù lượn và Điều bay phải bảo đảm phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc.

(3) Tần suất bay và mật độ hướng dẫn

a) Khoảng thời gian cất cánh giữa các lượt bay tối thiểu là 90 giây.

b) Mật độ hướng dẫn tập luyện:

- Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn phải bảo đảm:

+ Hướng dẫn không quá 05 người trong một giờ học;

+ Bay kèm không quá 01 người/1 lượt bay.

c) Một người tập bay không quá 2 chuyến/một ban bay.

(4) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(5) Nhân viên chuyên môn:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

81. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập luyện có kích thước ít nhất 08 m x 11m.

b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt, bề mặt sàn được lát bằng một trong các vật liệu sau: Gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp, gạch men, đá hoa.

c) Khoảng cách từ sàn đến điểm thấp nhất trên trần hoặc mái che ít nhất là 2,8m.

d). Hệ thống âm thanh có cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên.

đ) Ánh sáng phục vụ tập luyện ít nhất từ 150Lux trở lên.

e) Có ghế ngồi và gương.

g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật trang thiết bị tập luyện, thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các khoản a, b, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên.

b) Ánh sáng phục vụ thi đấu ít nhất từ 200 Lux trở lên.

(3) Cơ sở vật chất, trang thiết bị biểu diễn

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, h mục (1) và điểm b mục (2) nêu trên.

b) Mặt sàn biểu diễn bằng phẳng, không trơn trượt.

c) Trang phục không được làm bằng chất liệu hoặc màu trong suốt và phải che kín những vùng nhạy cảm của cơ thể người biểu diễn.

(4) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m²/01 người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 35 người trong một buổi tập.

(5) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

82. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập có kích thước từ 08m x 08m trở lên.

b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm.

c) Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03m.

d) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên.

đ) Ánh sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.

e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

g) Trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập: Máy chạy bộ, tạ, bục, gậy, vòng, bóng.

h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, giờ tập luyện, trang phục tập luyện và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, đ, e và h mục (1) nêu trên.

b) Sàn thi đấu có kích thước ít nhất là 12m x 12m.

c) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 120dBA trở lên.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m²/01 người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:
Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

83. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập có diện tích ít nhất là 64m² (mỗi chiều ít nhất là 8m). Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm có độ đàn hồi, độ dày ít nhất 4cm.

b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

đ) Có võ phục chuyên môn Judo, bảo đảm 01 bộ/người.

e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

g) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d và đ mục (1) nêu trên.

b) Có các khu vực: Cân vận động viên, khởi động, khu điểm danh, khu kiểm tra võ phục và đặt bàn y tế.

c) Có đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

84. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Địa điểm tập luyện:

- Phòng tập luyện diện tích ít nhất 60 m², khoảng cách từ sàn đến trần ít nhất 2,8 m, không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng. Khoảng cách giữa các trang thiết bị tập luyện đảm bảo từ 10cm đến 30cm.

- Ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

- Nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

b) Trang thiết bị tập luyện phải đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Địa điểm thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness diễn ra trong nhà hoặc ngoài trời.

b) Sân khấu: Kích thước sân khấu 12m x 12m và có chiều cao 0,8m. Mặt sân khấu phải được trải thảm mềm. Thảm màu xanh nước biển hoặc màu xanh ngọc.

c) Phong: Phía sau sân khấu thi đấu phải căng một tấm phong với một trong những màu sắc sau đây: Xanh đen, nâu sẫm, xanh lục sẫm, tím sẫm.

d) Bục thi đấu môn Thể dục thể hình đặt ở vị trí trung tâm sân khấu. Kích thước bục dài 06m, rộng 02m và cao 0,3m, có thảm bao xung quanh màu lục nhạt hoặc màu lam nhạt.

đ) Ánh sáng từ 1500lux trở lên. Đối với môn Fitness phải sáng đều khắp sân khấu; đối với môn Thể dục thể hình ánh sáng tập trung chiếu rọi khu vực bục thi đấu.

e) Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt.

g) Khu vực khởi động phải gần địa điểm thi đấu. Trang thiết bị khởi động cần có gồm: Các cần tạ, bánh tạ, tạ tay, dây chun, dây lò xo, các ghế tập.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện chỉ được hướng dẫn không quá 70 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

85. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng

Trình tự thực hiện:

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²;

- Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt;

- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà ít nhất là 05m. Trong trường hợp có sử dụng dàn mai hoa thung khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà ít nhất là 07m;

- Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng ngoài trời phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²;

- Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt;

- Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Đầu Rồng, mình Rồng, đầu Lân, đuôi Lân, các loại trang phục và đạo cụ như: loại trống, chiêng, thanh la, nạ bạt phải đảm bảo an toàn và phù hợp với quy

định của Luật thi đấu Lân Sư Rồng hiện hành hoặc theo truyền thống của từng địa phương.

b) Các trang thiết bị, đạo cụ dùng để tập luyện, thi đấu và biểu diễn là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Dàn Mai hoa thung: Độ cao của cột cao nhất không vượt quá 03m, xung quanh dàn Mai hoa thung phải có đệm bảo vệ.

d) Cột Lân leo phải bảo đảm chắc chắn, chiều cao tối đa không vượt quá 10m. Cột leo từ 06m trở lên bắt buộc bằng kim loại. Hệ thống chân đế của cột phải chắc chắn, có dây chằng cột, nệm bảo vệ xung quanh cột và dây bảo hiểm bảo đảm an toàn cho người tập luyện.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người/01 nội dung tập luyện.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

86. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Diện tích sàn tập tối thiểu 30m² ;
- Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;
- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m;
- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí ngoài trời phải bảo đảm yêu cầu sau:

- Diện tích sàn tập tối thiểu 30m² ;
- Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;
- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện: Mỗi cá nhân tham gia tập luyện phải tự trang bị tám lót khủy tay, tám lót đầu gối, mũ đội đầu.

b) Trang thiết bị thi đấu

- Thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải;

- Bàn chơi nhạc, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, vạch giới hạn sân thi đấu và các trang thiết bị khác bảo đảm an toàn cho vận động viên tham gia thi đấu theo quy định của Luật thi đấu và điều lệ thi đấu của giải.

c) Trang thiết bị biểu diễn: Bàn chơi nhạc, thiết bị liên lạc đáp ứng yêu cầu của buổi biểu diễn.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu 2m²/01 người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một giờ học.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

87. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Cơ sở vật chất

- Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

- Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên;

- Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh;

- Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện;

- Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Trang thiết bị

- Găng tập luyện: 01 đôi/01 người;

- Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người;

- Bao đệm (bao cát), gói đệm;

- Dụng cụ đỡ đòn (lăm pơ);

- Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01 chiếc/ 01 người.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên;

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

d) Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh;

đ) Găng tập luyện: 01 đôi/01 người;

e) Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người;

g) Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01 chiếc/ 01 người.

h) Khu vực thi đấu: Kích thước ít nhất là 06m x 06m, xung quanh có dây bảo vệ, khoảng cách từ dây bảo vệ đến khu vực khán giả ít nhất là 02m.

i) Các khu vực khác: Cân võ sinh, khởi động và bàn y tế.

k) Đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện bảo đảm ít nhất 02m²/01 người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

88. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Cơ sở vật chất môn Võ cổ truyền, môn Vovinam phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- Sàn tập phải bằng phẳng, không trơn trượt;

- Khoảng cách an toàn từ sàn tập đến vật xung quanh ít nhất là 2,5m;

- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

b) Trường hợp tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền, môn Vovinam trong nhà, khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị phục vụ tập luyện đối kháng bao gồm: Mũ bảo hiểm, bao răng, bảo vệ hạ bộ, băng chân bảo vệ cổ chân, băng tay bảo vệ khuỷu tay, quần áo tập luyện, găng tay, áo giáp.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Võ cổ truyền, môn Vovinam theo quy định của Luật thi đấu Võ cổ truyền, Luật thi đấu Vovinam.

c) Các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất là 2,5m²/01 người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 40 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 4 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

89. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Vùng hoạt động mô tô nước phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được xác định bằng hệ thống phao neo, cờ định vị;

- Phao neo, cờ định vị có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát; khoảng cách giữa các phao neo, cờ định vị nhiều nhất là 50m. Phao neo hình cầu; đường kính ít nhất là 30cm; chất liệu được sử dụng làm phao neo phải là các chất liệu không gây ô nhiễm môi trường. Cờ định vị hình chữ nhật, có kích thước 25cm x 30cm;

- Có độ sâu ít nhất là 2m, không có đá ngầm, rạn san hô, công trình trên biển, khu vực bãi tắm hoặc chướng ngại vật khác;

- Khoảng cách từ mép nước của bờ biển đến giới hạn ngoài của vùng hoạt động nhiều nhất là 650m và đến giới hạn trong của vùng hoạt động ít nhất là 60m.

b) Khoảng cách giữa cửa ra, cửa vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện ít nhất là 250m. Cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu phương tiện phải có chiều rộng ít nhất là 06m.

c) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu và các thiết bị sơ cứu, cấp cứu ban đầu khác phù hợp với yêu cầu tập luyện, biểu diễn, thi đấu môn Mô tô nước trên biển.

d) Có bảng nội quy được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát, cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu.

Bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, biểu diễn và thi đấu; không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động được xác định bằng phao neo, cờ định vị và các quy định khác.

(2) Trang thiết bị

a) Động cơ của mô tô nước phải có công suất tính bằng sức ngựa, phù hợp với thiết kế kỹ thuật của phương tiện.

b) Mô tô nước khi đưa vào hoạt động phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Thông tin liên lạc và cứu hộ

- Hệ thống thông tin bảo đảm yêu cầu liên lạc từ bộ phận điều hành và cứu hộ đến các vùng hoạt động mô tô nước;

- Trạm quan sát bảo đảm quan sát được toàn bộ vùng hoạt động mô tô nước;

- Có ca nô cứu hộ; có ít nhất là 05 phao cứu sinh trên một ca nô cứu hộ;

- Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 áo phao.

(3) Có xuồng máy cứu sinh.

(4) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người trong một lần tập.

(5) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(6) Nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 4 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày ... tháng... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

90. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Mặt sân bằng phẳng và được phủ bằng một trong các chất liệu sau: cỏ tự nhiên, cỏ nhân tạo, đất nện, cát mịn, sàn gỗ, chất dẻo tổng hợp, chất nhựa tổng hợp.

b) Mặt sân và đường bao quanh sân không có chướng ngại vật và các vật liệu dễ gây chấn thương; đường bao quanh sân không cao hơn mặt sân, nếu cao hơn phải được phủ bằng chất liệu an toàn.

c) Khoảng cách từ đường biên dọc, biên ngang của sân đến hàng rào, khán đài hoặc sân liền kề ít nhất là 2,5m.

d) Sân bóng đá liền kề nhà ở, công trình công cộng, đường giao thông phải có hàng rào hoặc lưới chắn bao quanh sân cao ít nhất là 05m.

đ) Bảo đảm độ chiếu sáng trên sân ít nhất là 150 lux.

e) Trường hợp có tường tập sút cầu môn, tường tập sút cầu môn có chiều rộng ít nhất là 05m, chiều cao ít nhất là 2,5m và phải được làm bằng vật liệu bền chắc.

g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

h) Có khu vực vệ sinh, thay trang phục cho người tham gia tập luyện và thi đấu môn Bóng đá.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; các đối tượng không được tham gia tập luyện; trang phục khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện

- Khung cầu môn được làm bằng một trong các chất liệu sau: Kim loại, gỗ hoặc chất dẻo tổng hợp, bảo đảm kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá. Cột cầu môn tròn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện, thi đấu bóng đá.

- Bóng có kích thước và trọng lượng theo quy định của Luật thi đấu bóng đá.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Bóng đá phải bảo đảm theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá.

(3) Mật độ tập luyện: Mật độ tập luyện trên sân bóng đá bảo đảm ít nhất 25m²/người tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày ... tháng... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

91. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Mặt sân phẳng, không trơn trượt, có độ dốc thoát nước và được phủ bằng sơn, cỏ, đất nện hoặc chất liệu tổng hợp.

b) Sân đơn có chiều dài là 23,77m; chiều rộng là 8,23m. Sân đôi có chiều dài là 23,77m; chiều rộng là 10,97m.

c) Lưới chắn bóng bao quanh sân, bảo đảm khoảng cách từ mép biên ngang đến lưới chắn ít nhất là 4m và khoảng cách từ mép biên dọc đến lưới chắn ít nhất là 3m.

d) Độ chiếu sáng trên sân bảo đảm từ 150Lux trở lên.

đ) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực vệ sinh, thay đồ và nơi cất giữ đồ dùng cá nhân.

e) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng không được tham gia tập luyện; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ mục (1) nêu trên.

b) Có ghế trọng tài, bảng điểm và dụng cụ đẩy nước.

c) Trường hợp sân thi đấu có mái che, chiều cao từ mặt sân đến điểm thấp nhất của mái che ít nhất là 9m.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 12 người trong 01 buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày ... tháng... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

92. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Diện tích sân phải từ 300m² trở lên;
- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chướng ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin ngoài trời phải thực hiện theo quy định như sau:

- Diện tích sân phải từ 300m² trở lên;
- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

c) Hoạt động biểu diễn môn Patin phải thực hiện theo quy định như sau:

- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có dốc trượt và mô hình

chương ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chương ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện và biểu diễn

- Tấm lót khủy tay;
- Tấm lót đầu gối;
- Mũ đội đầu;
- Giày trượt phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:
 - + Thân giày chắc chắn, ôm chân, không lỏng lẻo, không bị nghiêng, vẹo quá 45°, có khóa chắc chắn, lót trong của giày phải êm, thông thoáng;
 - + Bánh xe cao su, có độ đàn hồi, 02 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục;
 - + Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames): Bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày không nhỏ hơn 01 mm hoặc bằng nhựa có độ dày không nhỏ hơn 02 mm.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Patin phải bảo đảm theo quy định của Luật thi đấu Patin hiện hành.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sân bảo đảm ít nhất 05m²/01 người tập.

b) Mỗi hướng dẫn viên hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

93. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất

a) Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát.

b) Có phương tiện thủy nội địa vận chuyển người lặn biển, người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ và các trang thiết bị, dụng cụ môn Lặn biển thể thao giải trí.

c) Có khu vực tập kết phương tiện thủy nội địa và neo đậu phương tiện thủy nội địa.

d) Có phòng thay đồ, gửi đồ, nhà tắm, khu vực vệ sinh cho người lặn biển; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

đ) Có sổ theo dõi người lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, tình trạng sức khỏe của người lặn biển, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết.

e) Có bảng nội quy lặn biển quy định nội dung chủ yếu: Giờ tập luyện, các đối tượng không được tham gia, trang phục khi tham gia, biện pháp đảm bảo an toàn.

(2) Trang thiết bị

a) Trang bị bảo hộ cá nhân dành cho người lặn biển và người hướng dẫn tập luyện: Máy nén khí, bình khí nén, bình ô xy, đồng hồ định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, quần áo lặn, thắt lưng chì, chân vịt, kính lặn, ống thở, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở, phao cứu sinh.

b) Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo kết nối liên tục giữa trung tâm tìm kiếm, cứu nạn của địa phương hoặc của quốc gia với các khu vực hoạt động trong phạm vi quản lý của cơ sở.

(3) Bảo đảm an toàn

a) Khi có người lặn dưới biển, phương tiện thủy nội địa tổ chức hoạt động lặn biển phải treo cờ hiệu để báo hiệu đảm bảo an toàn cho người lặn biển.

b) Người hướng dẫn tập luyện phải hướng dẫn người lặn biển biết cách thức sử dụng bình khí, các thiết bị lặn, sử dụng phao cứu sinh và cách thức lặn.

c) Người lặn biển có trách nhiệm khai báo tình trạng sức khỏe theo quy định của cơ sở thể thao và chịu trách nhiệm về khai báo của mình.

(4) Có xưởng máy cứu sinh.

(5) Mật độ hướng dẫn tập luyện

Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người lặn biển trong một lần lặn.

(6) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(7) Nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

94. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Quy định chung

a) Có tường bao quanh trường bắn dày ít nhất 20cm, chiều cao trên 03m;

b) Ánh sáng chung ít nhất 500 lux, ánh sáng mặt bia tối thiểu 1.500 lux;

c) Có kho, nơi cất giữ súng, đạn thể thao bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

d) Có khu vực kiểm tra trang thiết bị tập luyện và thi đấu;

đ) Trường bắn phải có tuyến bắn và tuyến bia song song với nhau, lối đi riêng từ tuyến bắn lên tuyến bia có vách ngăn an toàn dày ít nhất 02cm, cao ít nhất 02m;

e) Khu vực dành cho khán giả ở phía sau tuyến bắn, cách tuyến bắn ít nhất là 05m;

g) Có sổ theo dõi quá trình sử dụng súng, đạn thể thao được thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện được thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

k) Có bảng hướng dẫn cách sử dụng súng thể thao; có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Trích dẫn quy định của pháp luật về trách nhiệm của người tập luyện, người hướng dẫn tập luyện và các cá nhân có liên quan trong việc sử dụng và bảo quản súng thể thao; đối tượng tham gia tập luyện được phép sử dụng súng thể thao, giờ tập luyện, trang phục tập luyện.

Người tham gia tập luyện được sử dụng súng thể thao thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Quy định đối với trường bắn cự ly 50m

a) Chiều dài trường bắn ít nhất 60m; chiều dài được thiết kế gồm 50m (trong đó có ít nhất 35m ngoài trời hoặc khoảng trống) + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 10 bệ bắn;

b) Có phễu hoặc tấm chắn đạn đặt sát phía sau bia, làm bằng thép.

3. Quy định đối với trường bắn cự ly 25m

a) Chiều dài trường bắn ít nhất 35m; chiều dài được thiết kế gồm 25m (trong đó có ít nhất 12,5m ngoài trời hoặc khoảng trống) + 03m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m;

b) Thùng hoặc phễu chắn đạn đặt song song và cách khung bia 01m về phía sau;

c) Có lưới chắn vỏ đạn phía trước người bắn.

4. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho các loại súng hơi

Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 20cm tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng đảm bảo chứa được 10 bệ bắn, mỗi bệ bắn rộng 01m và cách nhau 01m.

5. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho bia di động

Chiều dài trường bắn ít nhất 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả. Chiều rộng trường bắn ít nhất 10m, được chia thành 02 khoang riêng biệt, mỗi khoang rộng 03m.

6. Quy định đối với trường bắn đĩa bay

- a) Trường bắn có kích thước an toàn mỗi chiều không nhỏ hơn 150m;
- b) Lưới an toàn cao 03m đặt ở phía trên tường bao quanh trường bắn;
- c) Đảm bảo chiều dài từ hào phóng đĩa đến vị trí đứng bắn cách nhau không nhỏ hơn 15m;
- d) Khoảng cách từ vị trí đứng bắn theo hướng bắn đến tường bao quanh ít nhất 70m;

đ) Có rào chắn cách ít nhất 07m ở phía sau đường di chuyển chắn giữa khán giả và khu vực bắn.

7. Quy định đối với trường bắn đạn sơn

- a) Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 100m;
- b) Bên trong trường bắn đặt ít nhất 03 mục tiêu bắn bằng một trong các chất liệu: đất, gỗ, nhựa.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 1 và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 phần (1) nêu trên.

2. Có 20 bệ bắn trở lên đối với các trường bắn cự ly 50m, 25m và 10m.

3. Có 02 khung bắn trở lên đối với trường bắn cự ly 10m súng trường hơi di động.

(3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên vị trí bắn bảo đảm ít nhất 01 người/01m².

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 10 người/buổi.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

(1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:
+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

95. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- ***Số lượng hồ sơ:*** Một (01) bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận.

- ***Phí, lệ phí:*** không.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân bóng ném

a) Sân bóng ném có chiều dài là 44m và chiều rộng là 22m;

b) Mặt sân bóng ném phẳng, không có độ dốc, không trơn trượt;

c) Tường bao quanh sân bóng ném cách đường biên dọc ít nhất là 1m; cách đường cuối sân ít nhất là 2m;

d) Đối với sân bóng ném trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m.

2. Cầu môn có chiều cao là 2m, chiều rộng là 3m tính từ mép trong của cầu môn; cạnh của cột cầu môn có chiều rộng là 8cm.

3. Lưới cầu môn và lưới chắn bóng:

a) Lưới cầu môn và lưới chắn bóng có màu sẫm, kích thước các mắt lưới không quá 10cm x 10cm;

b) Phía sau khung thành và cách đường khung thành 1,5m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 9m đến 14m và có chiều cao ít nhất là 5m tính từ mặt sân. Đối với sân ngoài trời không có tường bao, phía sau đường biên dọc và cách đường biên dọc 1m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 28m đến 34m và có chiều cao ít nhất là 4m tính từ mặt sân.

4. Quả bóng

a) Bóng sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu Bóng ném;

b) Bảo đảm ít nhất 01 người/1quả bóng.

5. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

6. Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

7. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Bóng ném được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 và 3, điểm a mục 4, mục 5 và mục 6 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 10m²/1 người.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

96. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân tập, sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên đối với nội dung đối kháng (Sanshou) và 80 m² trở lên đối với nội dung quyền (Taolu).

2. Độ chiếu sáng sân tập, sàn tập bảo đảm từ 200 lux trở lên.

3. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có khu vực thay đồ, tủ gửi đồ, nhà vệ sinh.

5. Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

6. Có trang thiết bị tập luyện gồm:

a) Thảm tập có độ dày ít nhất là 2cm và có tính đàn hồi;

b) Võ phục, găng, giáp, mũ, kuki trong nội dung đối kháng;

c) Võ phục, các loại vũ khí thể thao thô sơ: Kiếm, đao, côn, thương đối với các bài quyền như Kiếm thuật, Đao thuật, Côn thuật, Thương thuật, Nam đao, Nam côn, Thái cực kiếm trong nội dung quyền.

Việc đăng ký, sử dụng kiếm, đao, côn, thương thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

7. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện quy định tại các mục 2, 3, 4 phần (1) nêu trên.

2. Sàn thi đấu:

a) Đối với nội dung Taolu: Thảm đấu có tính đàn hồi, kích thước 18m x 12m x 0,1m;

b) Đối với nội dung Sanshou: Đài thi đấu có diện tích 8m x 8m, cao 0,8m, có đệm bảo vệ xung quanh.

3. Trang thiết bị thi đấu:

a) Thực hiện quy định tại điểm b, c mục 6 phần (1) nêu trên;

b) Đối với nội dung Taolu: Có bảng công bố điểm;

c) Đối với nội dung Sanshou: Có cân trọng lượng cơ thể võ sinh.

(3) Mật độ tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 3m²/01 võ sinh.

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

97. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với leo núi nhân tạo

1. Tường leo

a) Tường leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 4,5m khi tổ chức tập luyện;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 8m khi tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, câu lạc bộ;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 12m khi tổ chức giải thi đấu quốc gia.

b) Tường leo đối với leo khối đá:

- Chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m trở xuống: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m đến 4,5m: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Mấu bám trên tường leo bảo đảm không bị lỏng hoặc xoay vặn và theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi quốc tế.

3. Khung kết cấu tường leo bảo đảm chịu được tải trọng của toàn bộ tường leo và lực tác động của người leo.

4. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu.

5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập.

(2) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với Leo núi tự nhiên

1. Vách leo

a) Vách leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

Các tuyến leo được cố định sẵn trên vách leo, các chốt an toàn được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi Quốc tế.

b) Vách leo đối với leo khối đá:

- Bảo đảm chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất được đặt trên địa hình bằng phẳng;

- Đối với độ cao từ 3m trở xuống: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với độ cao từ 3m đến 4,5m: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu và bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực leo. Nội dung bảng chỉ dẫn quy định về bản đồ khu vực leo, vạch giới hạn khu vực leo, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý leo và cách thức liên lạc khi cần thiết.

(3) Trang thiết bị tập luyện và thi đấu

1. Có giày leo núi chuyên dụng, dây leo núi, đai bảo hiểm, móc leo, thiết bị hãm, móc khóa carabiner, mũ bảo hiểm chuyên dụng, túi phấn, dây phụ trợ tùy theo loại hình leo núi. Các thiết bị leo núi phải đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn leo núi quốc tế.

2. Bảo đảm thông tin liên lạc giữa người tập leo núi, người hướng dẫn tập luyện với bộ phận điều hành tại địa điểm tập luyện, thi đấu và cơ sở y tế.

(4) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 15 người trong 01 giờ học.

2. Có nhân viên cứu hộ thường trực, bảo đảm 15 người tập có 01 nhân viên cứu hộ.

(4) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

c) Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

c) Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

98. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân bóng rổ

a) Sân bóng rổ có chiều dài ít nhất là 28m và chiều rộng ít nhất là 15m;

b) Mặt sân bóng rổ phẳng, cứng, không trơn trượt và không có chướng ngại vật;

c) Đối với sân bóng rổ ngoài trời, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân cách đường biên dọc của sân ít nhất là 2m và cách đường biên ngang của sân ít nhất là 5m. Trường hợp sân bóng rổ ngoài trời liền kề nhà ở, trường học, công trình công cộng hoặc đường giao thông, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân bóng rổ cao ít nhất là 3m;

d) Đối với sân bóng rổ trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m; tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

2. Bộ cột rổ

a) Cột và vành rổ được làm bằng kim loại;

b) Bảng rổ được làm bằng nhựa tổng hợp hoặc bằng gỗ;

c) Lưới rổ được làm bằng sợi nylon;

d) Khoảng cách tính từ mép trên của vành rổ xuống mặt sân bóng rổ theo chiều thẳng đứng là 3,050m đối với người tập trên 12 tuổi hoặc ít hơn 3,050m đối với người tập từ 12 tuổi trở xuống.

3. Quả bóng rổ

a) Quả bóng rổ phải được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu bóng rổ;

b) Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 (một) quả bóng rổ.

4. Độ chiếu sáng bảo đảm trên sân ít nhất là 300 lux.

5. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có nơi thay đồ, cất giữ đồ và có khu vệ sinh.

6. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; trang phục, trang thiết bị khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn trong tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu môn Bóng rổ được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2, 4, 5 và điểm a mục 3 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện được bảo đảm ít nhất 10m²/người.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

99. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công; số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công số 03, đường Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

+ **Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Phí, lệ phí:** không.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sàn tập luyện có kích thước từ 20m x10m trở lên; bằng phẳng, không trơn trượt.

2. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.

3. Có chỗ gửi đồ, khu vực vệ sinh; có tủ sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện.

5. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

6. Trang thiết bị tập luyện:

a) Bộ giáp vải (chịu lực 350N trở lên), áo giáp con (chịu lực 350N trở lên), mặt nạ (chịu lực 350N trở lên), áo giáp điện (đôi với kiếm chém và kiếm liễu), găng tay, giày, bít tất;

b) Kiếm tập (bao gồm: Kiếm chém, kiếm liễu và kiếm ba cạnh).

Việc quản lý, sử dụng kiếm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất thi đấu:

a) Thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 phần (1) nêu trên.

b) Đường thi đấu được làm bằng hợp kim có kích thước chiều dài từ 17m đến 18m và chiều rộng từ 1,5m đến 2,0m.

2. Trang thiết bị thi đấu:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a mục 6 phần (1) nêu trên.

b) Kiếm thi đấu, dây điện mặt nạ, dây điện trên người.

(3) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(4) Nhân viên chuyên môn: Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:
Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:
Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

100. Thủ tục: công nhận điểm du lịch

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý điểm du lịch nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- + Hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn.

Bước 2.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

(2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 (bộ).

- *Thời hạn giải quyết:*

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.

- ***Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức, cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện TTHC:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định công nhận điểm du lịch.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định trên bản đồ.

(2) Có kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch, bao gồm:

- Có kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi;

- Có điện, nước sạch;

- Có biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch;

- Có dịch vụ ăn uống, mua sắm.

(3) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;

- Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch;

- Có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

- Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

- Có biện pháp thu gom và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

- Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
ĐIỂM DU LỊCH

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý điểm du lịch:
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....
- Website (nếu có):.....

Căn cứ Luật Du lịch và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(tên điểm du lịch)... đã đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là điểm du lịch. Kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, công nhận điểm du lịch cho....(tên điểm du lịch)...

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Chức vụ, quyền hạn)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

101. Thủ tục: Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;

+ Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 (bộ).

- ***Thời hạn giải quyết:*** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức.

- ***Cơ quan thực hiện TTHC:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- ***Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

- **Phí, lệ phí:** 3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành được thể hiện trên bằng tốt nghiệp của một trong các ngành, nghề, chuyên ngành sau đây:

a, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

b, Quản trị lữ hành;

c, Điều hành tour du lịch;

d, Marketing du lịch;

đ, Du lịch;

e, Du lịch lữ hành;

g, Quản lý và kinh doanh du lịch;

h) Quản trị du lịch MICE;

i) Đại lý lữ hành;

k) Hướng dẫn du lịch;

l) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực;

m) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại điểm l và điểm m khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

Điện thoại :..... - Fax :.....

Website :..... - Email :.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính :.....

Chức danh:.....

Sinh ngày :...../...../..... Dân tộc :..... Quốc tịch :.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu

số:.....cấp ngày:/...../.....Nơi cấp :

Email: Điện thoại:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....

Chỗ ở hiện tại :.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....

.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
số.....cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

7. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

102. Thủ tục: Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
(Trong trường hợp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa bị mất hoặc bị hư hỏng)

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của doanh nghiệp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành được thể hiện trên bằng tốt nghiệp của một trong các ngành, nghề, chuyên ngành sau đây:

a, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

b, Quản trị lữ hành;

c, Điều hành tour du lịch;

d, Marketing du lịch;

đ, Du lịch;

e, Du lịch lữ hành;

g, Quản lý và kinh doanh du lịch;

h) Quản trị du lịch MICE;

i) Đại lý lữ hành;

k) Hướng dẫn du lịch;

l) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực;

m) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại điểm l và điểm m khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....
Tên giao dịch:.....
Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính :.....
Điện thoại :..... - Fax :.....
Website :..... - Email :.....
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
..... Giới tính :.....
Chức danh:.....
Sinh ngày :...../...../..... Dân tộc :..... Quốc tịch :.....
Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:..... cấp
ngày:/...../..... Nơi cấp :
- Email: Điện thoại:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....
Chỗ ở hiện tại :.....
4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....
5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số..... cấp ngày/...../..... nơi cấp:
7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
8. Tài khoản ký quỹ số..... tại ngân hàng.....
9. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.
Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

103. Thủ tục: Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
(Trong trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** 2.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành được thể hiện trên bằng tốt nghiệp của một trong các ngành, nghề, chuyên ngành sau đây:

a, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

b, Quản trị lữ hành;

c, Điều hành tour du lịch;

d, Marketing du lịch;

đ, Du lịch;

e, Du lịch lữ hành;

g, Quản lý và kinh doanh du lịch;

h) Quản trị du lịch MICE;

i) Đại lý lữ hành;

k) Hướng dẫn du lịch;

l) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực:

m) Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại điểm l và điểm m khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.”

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi

nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....
Tên giao dịch:.....
Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính :.....
.....
Điện thoại :.....- Fax :.....
Website :..... - Email :.....
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
..... Giới tính :.....
Chức danh:.....
Sinh ngày :...../...../.....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....
Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....cấp
ngày:/...../.....Nơi cấp :
4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....
.....
5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....
.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....cấp ngày .../.../... nơi cấp:
7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
8. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....
9. Lý do đề nghị cấp đổi giấy phép:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

104. Thủ tục: Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành.

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

+ Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng đề doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):

.....
Tên giao dịch:

Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....
Điện thoại: Fax:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giới tính: Chức danh:

4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày ... tháng ... năm

5. Lý do chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành:.....

6. Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với khách du lịch, các cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch và xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành và có công văn gửi Ngân hàng ...(*)....để doanh nghiệp được giải tỏa tiền ký quỹ./

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(*) Tên ngân hàng nơi doanh nghiệp đóng tiền ký quỹ.

105. Thủ tục: Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành;

Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp;

+ Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;

+ Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày...tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):

.....
Tên giao dịch:

Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....
Điện thoại: Fax:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giới tính: Chức danh:

4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày ... tháng ... năm

5. Lý do chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành:.....

6. Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với khách du lịch, các cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch và xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành và có công văn gửi Ngân hàng ...(*)....để doanh nghiệp được giải tỏa tiền ký quỹ./

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(*) Tên ngân hàng nơi doanh nghiệp đóng tiền ký quỹ.

106. Thủ tục: Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành;

- Tiền ký quỹ do tòa án quyết định theo quy định của pháp luật về phá sản.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

- + Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản;
- + Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

107. Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

*** *Trình tự thực hiện:***

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện trong các trường hợp sau:

- + Theo đề nghị của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài;
- + Khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;
- + Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không đề nghị gia hạn;
- + Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn;
- + Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016;
- + Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Bước 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hồ sơ.

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

- *Cách thức thực hiện:*

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP;

+ Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy phép);

+ Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

+ Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

+ Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện chỉ bao gồm các thành phần hồ sơ số (1) và (5).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thông báo.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

(1) Theo đề nghị của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.

(2) Khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

(3) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không đề nghị gia hạn.

(4) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn.

(5) Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016.

(6) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày.... tháng... năm....

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh)

Tên Văn phòng đại diện tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện sốNgày cấp: ... /.../...

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Thời hạn hoạt động: từ ngày...tháng... năm... đến ngày... tháng... năm ...

(*) Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:

3. Các khoản khác:

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.....Việt Nam:

Từ ngày.. .tháng.. .năm.....

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam/.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

(*): Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này

108. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

* *Trình tự thực hiện:*

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch định kỳ hàng năm công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch tại điểm;

Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) người đề nghị cấp thẻ (cá nhân) mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- *Cách thức thực hiện:*

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

- **Phí, lệ phí:** 200.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- (4) Đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017..
- + Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
- + Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

109. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố kế hoạch tổ chức các khóa cập nhật kiến thức và cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

Bước 2: Căn cứ Kế hoạch tổ chức các khóa cập nhật kiến thức do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố, hướng dẫn viên gửi đăng ký đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

- Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

- Thành phần hồ sơ:

Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017..

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐĂNG KÝ THAM DỰ KHÓA CẬP NHẬT KIẾN THỨC
CHO HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
+ Loại: Nội địa Quốc tế
+ Số thẻ: - Nơi cấp: - Ngày cấp:/...../.....

Căn cứ Thông báo số ngày... /.../.... của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bến Tre, căn cứ nhu cầu công việc, tôi đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch từ ngày.../.../...đến ngày.../.../....

Tôi cam kết thực hiện đầy đủ nội quy của khóa học./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

110. Thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Ghi chú: Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp không cấp phép Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết

Bước 3: Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký;

(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài;

(3) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

(4) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất*;

(5) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

(6) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan.

Thành phần hồ sơ (2), (3), (4), (5) (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ

vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- **Phí, lệ phí:** 3.000.000 đồng/giấy phép (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MD-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi đáp ứng các điều kiện sau:

(1) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

(2) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

(3) Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

(4) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

(5) Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày.... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../..... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.....

Ngày cấp...../...../.....Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Văn phòng đại diện số ...:

..... (khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.....

Ngày cấp...../...../.....Cơ quan cấp:.....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

..... (khai báo tương tự như trên)
Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số..(1)... như sau:
Tên Văn phòng đại diện:
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....
Tên viết tắt (nếu có):
Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-
-

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (2):

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài tự khai báo trên cơ sở thứ tự các văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

(2) Trường hợp người đứng đầu văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

111. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện

*** Trình tự thực hiện:**

Khi chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi. Quá thời hạn nêu trên, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016;

Bước 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) * đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm

2016) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký;

(2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016 (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016);

(3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

(4) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến, bao gồm:

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- **Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*);

(2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (*Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*)

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017*.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày.... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../..... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.....

Ngày cấp...../...../.....Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Văn phòng đại diện số ...:

..... (khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:.....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.....

Ngày cấp...../...../.....Cơ quan cấp:.....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

..... (khai báo tương tự như trên)
Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số..(1)..như sau:
Tên Văn phòng đại diện:
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....
Tên viết tắt (nếu có):
Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)
-
-
Thời hạn của Giấy phép thành lập:
Người đứng đầu Văn phòng đại diện (2):
Họ và tên:..... Giới tính:
Quốc tịch:.....
Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:.....
Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....
Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- (1) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài tự khai báo trên cơ sở thứ tự các văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.
- (2) Trường hợp người đứng đầu văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

112. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện *hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)* * đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- **Thành phần hồ sơ:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MD-2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- **Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị huỷ hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu huỷ dưới mọi hình thức.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/.....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../..... Cơ quan cấp:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

.....
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp:

...../...../.....

(*)Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

(*): Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có nhiều hơn 1 Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày 20 tháng 8 năm 2016. Doanh nghiệp tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

113. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

*** Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi sau:

+ *Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài* *;

+ Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện.

+ Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện;

+ Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện;

+ Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Bước 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ *điều chỉnh* Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

- Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ

phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện *hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)* * đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- **Thành phần hồ sơ:**

(1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký;

(2) Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

- Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.

- Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

- Trường hợp thay địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

(3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:**

+ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*)*.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

(1) Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài;

(2) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện;

(3) Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện;

(4) Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện;

(5) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam*.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam*.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày.... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh.....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../..... Cơ quan cấp:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

.....
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp/...../.....

(*)Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Mã số thuế:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

(*):Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có nhiều hơn 1 Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày 20 tháng 8 năm 2016. Doanh nghiệp tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

114. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1.

Ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hết hạn, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài nộp hồ sơ gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ). Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày* làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không gia hạn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện *hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)* * đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MD-4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký;

(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài;

(3) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

(4) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

Thành phần hồ sơ số (2) phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thành phần hồ sơ số (3) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày* làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- **Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (*Mẫu MĐ-4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016*).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.... tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài viết tắt.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../..... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

.....
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:.....

Ngày cấp/...../.....

(*)Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:..... người;
trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam:... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

(*):Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài có nhiều hơn 1 Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày 20 tháng 8 năm 2016. Doanh nghiệp tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

115. Thủ tục : Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

* *Trình tự thực hiện:*

Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian: trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ). Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế cho người đề nghị; trường hợp từ chối, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp thẻ biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(5) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau :

- *Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;*
- *Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;*
- Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo

bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(6) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

- **Phí, lệ phí:** 650.000 đồng/thẻ (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*)

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*)

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề: đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế*):
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

116. Thủ tục: Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

*** *Trình tự thực hiện:***

Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa cho người đề nghị; trường hợp từ chối, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp thẻ biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) người đề nghị cấp thẻ (cá nhân) mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa;

(4) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(5) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 (bộ).

- ***Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện TTHC:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

- Phí, lệ phí: 650.000 đồng/thẻ (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- (4) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

117. Thủ tục : Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (khi thẻ hết hạn sử dụng*);

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2: Trong thời hạn *10 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; Trường hợp từ chối, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp thẻ biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) người đề nghị cấp đổi thẻ (cá nhân) mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

(5) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp;

(6) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày* kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

- **Phí, lệ phí:** 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) .

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (*Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*);

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(*).....

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
+ Loại: Nội địa Quốc tế Tại điểm
+ Số thẻ: - Nơi cấp: - Ngày cấp:/...../.....
- Lý do đề nghị cấp đổi thẻ:

.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre thẩm định và cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch(*)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:
(*) Quốc tế hoặc nội địa hoặc tại điểm.

118. Thủ tục: Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (trong trường hợp thẻ bị mất, bị hư hỏng hoặc thay đổi thông tin trên thẻ*);

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Hướng dẫn viên du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày* kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; Trường hợp từ chối, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp thẻ biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) người đề nghị cấp lại thẻ HDV du lịch (cá nhân) mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

(2) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm;

(3) Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày* kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

- **Phí, lệ phí:**

+ 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)*;

+ 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (*Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (*Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*);

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có *chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa*. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp *cao đẳng* trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp *cao đẳng* trở lên chuyên ngành khác phải có *chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế*. *Hướng dẫn viên du lịch tại điểm đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.*

(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(*).....

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bến Tre

- Họ và tên (*chữ in hoa*):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: Nam Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số :
- Nơi cấp: - Ngày cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
+ Loại: Nội địa Quốc tế Tại điểm
+ Số thẻ: - Nơi cấp: - Ngày cấp:/...../.....
- Lý do đề nghị cấp lại thẻ:

.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre thẩm định và cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch(*)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:
(*) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.

119. Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Tổ chức quản lý khu du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng 7 giờ - 11 giờ, buổi chiều 13 giờ - 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- + Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- + Hồ sơ hợp lệ thì nhận và viết phiếu hẹn.

Bước 2.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính) tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

- (1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);
- (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.

(2) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm:

a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch;

b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm;

c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;

d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

(3) Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.

(4) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn;

b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch;

c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

đ) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
KHU DU LỊCH CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ quan, tổ chức quản lý khu du lịch:
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....
- Website (nếu có):.....

Căn cứ Luật Du lịch và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(tên khu du lịch) đã đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh. Kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố công nhận khu du lịch cho.....(tên khu du lịch)... là khu du lịch cấp tỉnh.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

120. Thủ tục: Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

*** Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thể thao được tự nguyện đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thể thao nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ; Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận. Trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả

- Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có đăng ký kinh doanh và bảo đảm các điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ thể thao theo quy định của pháp luật;

(2) Có nội quy bằng tiếng Việt, tiếng Anh và ngôn ngữ khác (nếu cần); có nơi đón tiếp, nơi gửi đồ dùng cá nhân và phòng tắm cho khách;

(3) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ luyện tập và thi đấu; có dịch vụ cho thuê dụng cụ tập luyện, thi đấu phù hợp với từng môn thể thao;

(4) Có người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ phù hợp với từng môn thể thao;

(5) Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục và đeo biển tên trên áo;

(6) Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết;

(7) Có nhà vệ sinh sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:....., cơ quan cấp:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Các cam kết, giấy chứng nhận (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện):

- (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- (2) Phòng cháy, chữa cháy;
- (3) Bảo vệ môi trường;
- (4) An toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(1).... đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*bản thuyết minh kèm theo*).

Kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho.....(1).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở dịch vụ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT HOẶC CHỦ CƠ SỞ DỊCH
VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên cơ sở dịch vụ

121. Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

*** Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí được tự nguyện đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ). Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; Trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có đăng ký kinh doanh và bảo đảm các điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ vui chơi, giải trí theo quy định của pháp luật;

+ Có nội quy; có nơi đón tiếp, gửi đồ dùng cá nhân;

+ Có địa điểm, cơ sở vật chất, dụng cụ, phương tiện phù hợp với từng loại dịch vụ vui chơi giải trí;

+ Có người hướng dẫn, nhân viên phục vụ phù hợp với từng dịch vụ vui chơi, giải trí;

+ Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục và đeo biển tên trên áo;

+ Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết;

+ Có nhà vệ sinh sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:....., cơ quan cấp:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Các cam kết, giấy chứng nhận (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện):

- (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- (2) Phòng cháy, chữa cháy;
- (3) Bảo vệ môi trường;
- (4) An toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(1).... đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*bản thuyết minh kèm theo*).

Kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho.....(1).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở dịch vụ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT HOẶC CHỦ CƠ SỞ DỊCH
VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên cơ sở dịch vụ

122. Thủ tục: Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

*** Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe được tự nguyện đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ). Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; Trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có đăng ký kinh doanh và bảo đảm các điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định của pháp luật;

+ Có nơi đón tiếp, gửi đồ dùng cá nhân;

+ Có nội quy, quy trình bằng tiếng Việt, tiếng Anh và ngôn ngữ khác (nếu cần); có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với từng loại dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

+ Có nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ phù hợp với từng dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

+ Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục và đeo biển tên trên áo;

+ Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết;

+ Có nhà vệ sinh sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:.....
cơ quan cấp:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Các cam kết, giấy chứng nhận (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện):

- (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- (2) Phòng cháy, chữa cháy;
- (3) Bảo vệ môi trường;
- (4) An toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(1).... đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*bản thuyết minh kèm theo*).

Kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho.....(1).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở dịch vụ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT HOẶC CHỦ CƠ SỞ DỊCH
VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1): Tên cơ sở dịch vụ

123. Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

*** *Trình tự thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ mua sắm được tự nguyện đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ mua sắm nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hoàn chỉnh thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 (bộ).

- ***Thời hạn giải quyết:*** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức, cá nhân.

- ***Cơ quan thực hiện TTHC:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- ***Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017) *.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có đăng ký kinh doanh và bảo đảm các điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật;

+ Thông tin rõ ràng về nguồn gốc và chất lượng hàng hóa;

+ Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết;

+ Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự;

+ Có nhà vệ sinh sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ:.....
-
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:....., cơ quan cấp:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Các cam kết, giấy chứng nhận (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện):

- (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- (2) Phòng cháy, chữa cháy;
- (3) Bảo vệ môi trường;
- (4) An toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(1).... đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*bản thuyết minh kèm theo*).

Kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho.....(1).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở dịch vụ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT HOẶC CHỦ CƠ SỞ DỊCH
VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên cơ sở dịch vụ

124. Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

*** *Trình tự thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống được tự nguyện đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Chuyên viên tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Hồ sơ chưa hợp lệ hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;
- Hồ sơ hợp lệ thì nhận, viết phiếu hẹn và thu lệ phí.

Bước 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch biết.

Bước 3. Đến hẹn (trong giờ hành chính), cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- ***Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 (bộ).

- ***Thời hạn giải quyết:*** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức, cá nhân.

- ***Cơ quan thực hiện TTHC:***

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có đăng ký kinh doanh và bảo đảm các điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ ăn uống theo quy định của pháp luật;

(2) Phòng ăn có đủ ánh sáng; có hệ thống thông gió; có bàn, ghế hoặc chỗ ngồi thuận tiện; nền nhà khô, sạch, không trơn, trượt; đồ dùng được rửa sạch và để khô; có thùng đựng rác;

(3) Có thực đơn bằng tiếng Việt, tiếng Anh và ngôn ngữ khác (nếu cần) kèm theo hình ảnh minh họa;

(4) Bếp thông thoáng, có khu vực sơ chế và chế biến món ăn riêng biệt; có trang thiết bị bảo quản và chế biến thực phẩm;

(5) Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục và đeo biển tên trên áo;

(6) Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết;

(7) Có nhà vệ sinh sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

+ Thông tư 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIÊN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ:.....
-
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:....., cơ quan cấp:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Các cam kết, giấy chứng nhận (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện):

- (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- (2) Phòng cháy, chữa cháy;
- (3) Bảo vệ môi trường;
- (4) An toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(1).... đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn để được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*bản thuyết minh kèm theo*).

Kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho.....(1).....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở dịch vụ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT HOẶC CHỦ CƠ SỞ DỊCH
VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1): Tên cơ sở dịch vụ

125. Thủ tục: Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch.

*** Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch được tự nguyện đăng ký xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian: trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch biết.

Bước 3: Đến hẹn (trong giờ hành chính) cá nhân, tổ chức mang phiếu hẹn đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre để nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch;

+ Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch;

+ Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.

- **Phí, lệ phí:**

+ 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

+ 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017*.

+ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch*.

+ Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

+ Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TÊN DOANH NGHIỆP
TÊN CƠ SỞ DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
HẠNG CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

Căn cứ Luật Du lịch, sau khi nghiên cứu Tiêu chuẩn Quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hiện hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, xếp hạng cho cơ sở lưu trú du lịch.

1. Thông tin chung về cơ sở lưu trú du lịch

- Loại, tên cơ sở lưu trú du lịch:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Email:.....Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số:....., cơ quan cấp:.....
- Có cam kết, giấy chứng nhận về:
 - (1) Đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
 - (2) Phòng cháy, chữa cháy;
 - (3) Bảo vệ môi trường;
 - (4) An toàn thực phẩm.

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

- Tổng vốn đầu tư ban đầu:.....
- Tổng vốn đầu tư nâng cấp (nếu có):.....
- Tổng diện tích mặt bằng (m^2):.....
- Tổng diện tích mặt bằng xây dựng (m^2):.....
- Tổng số buồng:

STT	Loại buồng	Số lượng buồng	Giá công bố (VND)
1			
2			
3			
...			

- Dịch vụ có trong cơ sở lưu trú du lịch:

.....
.....

3. Người quản lý và nhân viên phục vụ:

- Tổng số:

Trong đó:

Ban giám đốc:..... Lễ tân:.....

Bếp:..... Buồng:.....

Bàn, bar:..... Bộ phận khác:.....

- Trình độ:

Trên đại học:.....(người) Đại học:.....(người) Cao đẳng:.....(người)

Trung cấp:.....(người) Sơ cấp:.....(người) THPT:.....(người)

- Chứng chỉ khác:.....(người)

- Được đào tạo nghiệp vụ (%):.....

- Được đào tạo ngoại ngữ (%):.....

4. Hạng đề nghị:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Đơn đề nghị và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng cơ sở lưu trú theo đúng hạng đã được công nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

*NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC CHỦ CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH*

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)